

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
KHOA MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN VĂN CHẤT

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

**XÂY DỰNG HƯỚNG ƯỚC, QUY ƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG VỚI SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG TẠI
XÃ HẢI MINH, HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

HÀ NỘI, 2017

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
KHOA MÔI TRƯỜNG**

NGUYỄN VĂN CHÁT

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

**XÂY DỰNG HƯƠNG ƯỚC, QUY ƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG VỚI SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG TẠI
XÃ HẢI MINH, HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

Nghành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường

Mã ngành: 52 85 01 01

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN: THS. HOÀNG THỊ HUÊ

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Kính gửi: - Phòng Đào tạo, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

- Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

- Hội đồng chấm Đồ án tốt nghiệp, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Tên em là: Nguyễn Văn Chất – Sinh viên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường. Em xin cam đoan rằng đây là công trình nghiên cứu của em. Mọi thông tin thu thập hoàn toàn đúng sự thật và chính xác, các kết quả, số liệu được nêu trong đồ án đều có nguồn gốc cụ thể. Đồng thời mọi thông tin cũng chưa từng được công bố trong bất kì một tài liệu khoa học nào.

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2017

Sinh viên

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tin cho phép tôi xin gửi lời cảm ơn tới Ban Giám hiệu Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, các thầy, cô trong khoa Môi trường cũng như các thầy, cô giáo các khoa, bộ môn khác của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã tận tình truyền đạt kiến thức trong suốt những năm tôi học tập, nghiên cứu tại trường và trong quá trình tôi làm đề án tốt nghiệp này.

Để hoàn thành đề án tốt nghiệp này, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến các thầy cô giáo Khoa Môi Trường và Ths. Hoàng Thị Huệ – người đã luôn động viên, hướng dẫn và nhiệt tình chỉ bảo cho tôi trong suốt quá trình thực hiện đề án tốt nghiệp này.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn các cấp lãnh đạo và cán bộ môi trường tại Ủy ban nhân dân xã Hải Minh cùng đội trưởng các xóm, đội đã tạo điều kiện tốt nhất cho tôi trong quá trình thực hiện đề án tốt nghiệp.

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới gia đình, bạn bè đã ủng hộ, động viên và quan tâm trong quá trình thực hiện đề án tốt nghiệp

Trong thời gian thực hiện đề tài này, do điều kiện về thời gian, tài chính và trình độ nghiên cứu của bản thân còn hạn chế, nên khi thực hiện đề tài này không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy, cô để bài báo cáo của em được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày ...tháng .. năm 2017

Sinh viên thực hiện

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
3. Nội dung nghiên cứu	2
CHƯƠNG I: TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	3
1.1. Tổng quan các vấn đề về hương ước.....	3
1.1.1. Cơ sở pháp lý liên quan đến xây dựng hương ước BVMT	3
1.1.2. Khái niệm của hương ước	3
1.1.3. Các đặc điểm, đặc trưng của hương ước	4
1.1.4. Vai trò của hương ước trong đời sống và sinh hoạt của cộng đồng dân cư	4
1.1.5. Xây dựng và thực hiện hương ước	5
1.2. Các vấn đề về xây dựng hương ước ở Việt Nam	10
1.2.1. Chủ trương của Đảng và nhà nước về vấn đề xây dựng hương ước.	10
1.2.2. Tình hình xây dựng và thực hiện hương ước ở các địa phương trong thời gian qua.	12
1.3. Vai trò của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ môi trường	13
1.4. Tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại xã Hải Minh.....	14
1.4.1. Điều kiện tự nhiên	14
1.4.2. Điều kiện kinh tế - xã hội	16
CHƯƠNG 2: ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	18
2.1. Đối tượng nghiên cứu	18
2.2. Phạm vi nghiên cứu	18
2.3. Phương pháp nghiên cứu	18
2.3.1. Phương pháp thu thập tài liệu	18
2.3.2. Phương pháp điều tra xã hội học	18
2.3.3. Phương pháp DPSIR	19
2.3.4. Phương pháp tham vấn cộng đồng	19
2.3.5. Phương pháp xử lý số liệu	20

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	21
3.1. Quy trình xây dựng hương ước tại xã Hải Minh	21
3.2. Hiện trạng môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	22
3.2.1. Hiện trạng môi trường nước	22
3.2.2. Hiện trạng môi trường không khí	25
3.2.3. Hiện trạng môi trường đất	28
3.2.4. Hiện trạng chất thải rắn	30
3.3. Công tác quản lý, bảo vệ môi trường và các giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.....	34
3.3.1. Căn cứ pháp lý về quản lý môi trường tại địa phương.....	34
3.3.2. Các giải pháp, biện pháp nhằm nâng cao việc quản lý môi trường tại xã Hải Minh.....	37
3.4. Xây dựng hương ước quy ước và bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	38
3.4.1. Các bước xây dựng hương ước về bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.....	38
3.4.2. Bản hương ước quy ước và bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	40
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	44
TÀI LIỆU THAM KHẢO	46
PHỤ LỤC	48

DANH MỤC VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Tiếng việt
1	BVMT	Bảo vệ môi trường
2	BVHTT	Bộ văn hóa thể thao
3	BTP	Bộ tư pháp
4	CP	Chính phủ
5	NĐ	Nghị định
6	NQ	Nghị quyết
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	TTLT	Thông tư liên tịch
9	UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1: Ý kiến của người dân và nhà quản lý về hiện trạng môi trường nước mặt ..	22
Bảng 3.2: Ý kiến của người dân và nhà quản lý về ô nhiễm không khí tại xã Hải Minh ..	25
Bảng 3.3 Thành phần rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Hải Minh ..	32

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí địa lý xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định ..	15
Hình 3.1: Quy trình các bước xây dựng hương ước ở xã Hải Minh ..	21
Hình 3.2: Các nguồn nước thải trên địa bàn xã Hải Minh (%) ..	24
Hình 3.3: Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí (%) ..	26
Hình 3.4: Nhận thức của người dân xã Hải Minh về phân loại rác tại nguồn.....	31

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại, là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của người dân. Đây là quyền lợi và là nghĩa vụ của mọi cá nhân tổ chức và của mọi người, cũng vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững.

Hiện nay, vấn đề ô nhiễm môi trường khu vực nông thôn trên cả nước còn khá nhiều điều bất cập, đã và đang trở thành vấn đề nổi cộm. Các chất thải từ sinh hoạt của con người, các làng nghề thải khí thải, nước thải ô nhiễm làm ảnh hưởng đến cuộc sống người dân. Ô nhiễm chất thải rắn do nguồn thải từ hoạt động chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất quy mô nhỏ. Tuy vậy, tại nhiều địa phương, vấn đề bảo vệ môi trường vẫn chưa được thật sự quan tâm, ý thức trách nhiệm trước những công việc chung của mỗi người, mỗi gia đình còn kém, hiểu biết về tác động trực tiếp và sâu rộng của ô nhiễm môi trường trước mắt và lâu dài còn chưa đầy đủ. Công tác quản lý môi trường nông thôn đang là vấn đề nhức nhối, thiếu đơn vị đầu mối quản lý. Trong thời gian qua, vấn đề “Môi trường nông thôn” hầu như chưa được xem xét, đánh giá một cách đầy đủ và toàn diện. Thêm vào đó, các thông tin, số liệu về vấn đề này cũng chưa được tổng hợp một cách hệ thống.

Việc bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của sự phát triển bền vững, phải được thể hiện trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế – xã hội của từng ngành và từng địa phương. Bảo vệ môi trường là quyền lợi và nghĩa vụ của mọi tổ chức, mọi gia đình và của mỗi người dân, là biểu hiện của nếp sống văn hóa, đạo đức, là tiêu chí quan trọng của xã hội văn minh. Việc bảo vệ môi trường gắn liền với cộng đồng dân cư là một trong những chính sách, chiến lược và giải pháp có tính thiết thực và mang lại hiệu quả tích cực. Để lôi cuốn mọi người, cùng tham gia giải quyết những vấn đề môi trường chung của làng xã, không gì bằng hương ước theo truyền thống địa phương. Hương ước bảo vệ môi trường được xem như một văn bản quy phạm xã hội xây dựng trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng dân cư trong việc phân tích các vấn đề môi trường và từ đó xác định các hành vi cải thiện chất lượng môi trường.

Hải Minh là một xã lớn của huyện Hải Hậu, nằm cách trung tâm huyện 7km về phía Đông Bắc nơi tập trung lượng lớn dân cư sinh sống. Những năm gần đây, cùng

với tốc độ phát triển kinh tế, vấn đề môi trường ngày càng trở nên phức tạp và nghiêm trọng. Tuy nhiên vấn đề truyền thông về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã còn chưa được chú trọng, các hộ dân trong xã còn chưa ý thức được việc bảo vệ môi trường là cần thiết ra sao. Nguy cơ ô nhiễm môi trường trên địa bàn xã còn rất cao, ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của người dân và cảnh quan môi trường xung quanh.

Để huy động sự tham gia của cộng đồng với chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ môi trường, đề tài được lựa chọn là: “Xây dựng hương ước về bảo vệ môi trường với sự tham gia của cộng đồng tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định”

2. Mục tiêu nghiên cứu

Xây dựng được bản hương ước về bảo vệ môi trường gắn với cộng đồng tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

3. Nội dung nghiên cứu

- Đánh giá hiện trạng môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

- Đánh giá thực trạng công tác quản lý môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

- Xây dựng nội dung bản hương ước về bảo vệ môi trường gắn với cộng đồng tại xã Hải Minh

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan các vấn đề về hương ước.

1.1.1. Cơ sở pháp lý liên quan đến xây dựng hương ước BVMT

- Nghị quyết 41/ NQ-TW Nghị quyết của Bộ Chính trị số 41- NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

- Chỉ thị số 29/ CT-TW Chỉ thị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nghị quyết 41/ NQ-TW của Bộ chính trị.

- Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT/BTP-BVHTT-BTTUBTUMTTQVN ngày 31/3/2000 của Bộ Tư Pháp, Bộ Văn hoá Thông tin và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện hương ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư.

- Nghị quyết số 05 - NQ/HNTW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII ngày 10 tháng 6 năm 1993 về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, hương ước được thừa nhận trở lại, chứng tỏ sự tồn tại bất diệt của nó và đang trở thành một công cụ hữu hiệu trong thể chế quản lý ở nông thôn.

- Chỉ thị số 24/CT - TT ngày 19 tháng 6 năm 1998 quy định về việc xây dựng và thực hiện hương ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư.

- Thông tư liên tịch số 04/2001/TTLT-BTP-BVHTT-BTTUMTTQVN-UBQGDS ngày 3 tháng 03 năm 2001, Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: hướng dẫn bổ sung thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT/BTP-BVHTT-BTTUBMTTQVN xây dựng và thực hiện hương ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư

1.1.2. Khái niệm của hương ước

Khái niệm hương ước được gọi chung là hương ước và được hướng dẫn tại thông tư liên tịch số 03/2000/ TTLT-BTP-BVHTT-BTTUBTUMTTQVN ngày 31 tháng 3 năm 2000 giữa Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa Thông tin và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT) như sau:

“Hương ước là văn bản quy phạm xã hội trong đó quy định các quy tắc xử sự chung do cộng đồng dân cư cùng thoả thuận đặt ra để điều chỉnh các quan hệ xã hội mang tính tự quản của nhân dân nhằm giữ gìn và phát huy những phong tục, tập quán

tốt đẹp và truyền thống văn hoá trên địa bàn làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư, góp phần hỗ trợ tích cực cho việc quản lý nhà nước bằng pháp luật” [4]

1.1.3. Các đặc điểm, đặc trưng của hương ước

Hương ước là kết ước của người dân, được thể hiện bằng một loại văn bản với nhiều tên gọi khác nhau như: hương ước làng, quy ước làng,... Trong dân gian cũng còn nhiều loại hình kết ước của người dân được thể hiện bằng các câu tục ngữ, lời nói có vần, phương ngôn, ngạn ngữ truyền miệng, không được thực hiện bằng văn bản thì không phải là hương ước.

Hương ước do cộng đồng dân cư cùng thỏa thuận đặt ra trên cơ sở sự nhất trí của tập thể cộng đồng dân cư. Đây cũng là một trong những nguyên tắc xây dựng hương ước, bất cứ một cá nhân hay một cơ quan, tổ chức nào xây dựng văn bản và tự gọi đó là hương ước đều là không đúng, không phù hợp với tính chất, đặc trưng và nguyên tắc xây dựng hương ước.

Hương ước cũng là một loại văn bản quy phạm, là các quy phạm xã hội do cộng đồng dân cư thỏa thuận đặt ra và cùng nhau thực hiện. Nghĩa là cộng đồng dân cư tự xây dựng các nguyên tắc ứng xử trên cơ sở pháp luật và truyền thống, tập quán địa phương và tự nguyện thực hiện các nguyên tắc đó. Đặc điểm này của quy phạm trong hương ước khác hẳn với các quy phạm pháp luật trong các văn bản do Nhà nước ban hành.

Các quy định trong hương ước không được trái với quy định của pháp luật, nếu trái thì phải loại bỏ những quy định đó.

Trên thực tế, hương ước được xây dựng chủ yếu để điều chỉnh các quan hệ tự quản tại cộng đồng dân cư, là những quan hệ xã hội trong lĩnh vực xã hội - dân sự mà pháp luật không điều chỉnh hoặc chỉ điều chỉnh ở mức độ quy định các nguyên tắc chung như: việc tổ chức ma chay, cưới xin, bảo vệ trật tự trị an, phát triển sản xuất, khuyến khích học hành, giữ gìn và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống, giải quyết các tranh chấp hoặc những vi phạm nhỏ trong nhân dân, các phương thức cụ thể tại địa phương để xoá đói, giảm nghèo,... [4]

1.1.4. Vai trò của hương ước trong đời sống và sinh hoạt của cộng đồng dân cư

Cùng với pháp luật, hương ước giúp duy trì an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng chống các tệ nạn xã hội, phát triển sản xuất, khuyến khích học hành, giải quyết các tranh chấp, vi phạm nhỏ trong nhân dân, xoá đói, giảm nghèo, góp phần duy trì và

phát huy thuần phong mỹ tục, đề cao các chuẩn mực đạo lý và đạo đức truyền thống dân tộc. Ngoài ra nội dung của hương ước còn góp phần thực hiện chính sách dân số, bài trừ các hủ tục và tệ nạn xã hội. Hương ước góp phần hình thành trong người dân địa phương và người dân sinh sống tại địa phương truyền thống đoàn kết quý báu và nâng cao nhân thức của mỗi cá nhân trong công việc chung của cộng đồng.

Bên cạnh đó, các quy định tốt đẹp của hương ước cũng góp phần bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa Việt. Những lễ hội của mỗi làng, những phần thưởng khuyến học trong mỗi dòng họ... đều góp phần làm nên bức tranh làng xã Việt Nam

Trên thực tế, hương ước được xây dựng chủ yếu để điều chỉnh các quan hệ tự quản tại cộng đồng dân cư, là những quan hệ xã hội trong lĩnh vực xã hội – dân sự mà pháp luật không điều chỉnh hoặc chỉ điều chỉnh ở mức độ quy định các nguyên tắc chung như: việc tổ chức ma chay, cưới xin, bảo vệ trật tự trị an, phát triển sản xuất, khuyến khích học hành, giữ gìn và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống, giải quyết các tranh chấp hoặc những vi phạm nhỏ trong nhân dân, các phương thức cụ thể tại địa phương để xoá đói, giảm nghèo,... Các văn bản pháp luật do nhà nước quy định khó có thể tiếp cận trực tiếp với người dân, đặc biệt là cộng đồng dân cư ở khu vực nông thôn. Chính vì vậy, hương ước của làng, xã ra đời thể hiện các quy phạm xã hội, các quy phạm xã hội này do nhân dân xây dựng nên và nhân dân tự nguyện thực hiện. Tuy nhiên, khi được xây dựng từ chính cộng đồng dân cư thì hương ước sẽ mang những nét đặc trưng của vùng miền, không thể bỏ qua những hủ tục, những quan điểm không tân tiến của địa phương đã tồn tại nhiều năm. [4]

1.1.5. Xây dựng và thực hiện hương ước

Đối tượng chính của việc xây dựng hương ước là cộng đồng dân cư sinh sống tại địa bàn (làng, xã, thôn ấp, phường...)

a) Xây dựng hương ước

❖ Nội dung của hương ước

Hương ước là văn bản quy phạm xã hội trong đó quy định các quy tắc xử sự chung do cộng đồng dân cư cùng thoả thuận đặt ra để điều chỉnh các quan hệ xã hội mang tính tự quản của nhân dân nhằm giữ gìn và phát huy những phong tục, tập quán tốt đẹp và truyền thống văn hoá trên địa bàn làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư, góp phần hỗ trợ tích cực cho việc quản lý nhà nước bằng pháp luật.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí, nhằm phát huy những phong tục, tập quán tốt đẹp, góp phần đưa pháp luật vào cuộc sống của cộng đồng dân cư, Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT tập trung vào các nội dung cụ thể như sau:

- Đề ra các biện pháp, phương thức thích hợp giúp dân cư trên địa bàn tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, bảo đảm và phát huy quyền tự do, dân chủ của nhân dân; động viên và tạo điều kiện để nhân dân thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của công dân; cộng đồng dân cư; thực hiện tốt các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước;

- Đề ra các biện pháp góp phần bảo vệ tài sản Nhà nước, tài sản công cộng và tài sản của công dân, bảo vệ môi trường sống, bảo vệ rừng, biển, sông, hồ, danh lam thắng cảnh, đền chùa, miếu mạo, các nguồn nước, đê điều, đập nước, kênh mương, cầu cống, đường dây tải điện; xây dựng và phát triển đường làng, ngõ xóm, trồng cây xanh;

- Các nội dung góp phần xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, xây dựng làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư văn hóa, hình thành các quy tắc đạo đức mới trong gia đình và cộng đồng; khuyến khích mọi người đùm bọc, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn, ốm đau; vận động thực hiện các chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, xây dựng các gia đình theo tiêu chuẩn gia đình văn hóa;

- Xây dựng tình đoàn kết, tương thân, tương ái trong cộng đồng, vận động các thành viên trong gia đình, họ tộc, xóm làng đoàn kết nhau để xoá đói, giảm nghèo, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, khuyến học, khuyến nghề ở địa phương; vận động các thành viên trong cộng đồng tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã nhằm phát triển sản xuất. Khuyến khích phát triển các làng nghề, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công: điện, đường, trường học, trạm xá, nghĩa trang, các công trình văn hoá, thể thao trên địa bàn. Lập, thu chi các loại quỹ trong khuôn khổ pháp luật và phù hợp khả năng đóng góp của nhân dân;

- Đề ra các biện pháp thưởng, phạt phù hợp để đảm bảo thực hiện hương ước: Hương ước quy định các hình thức và biện pháp thưởng đối với cá nhân, hộ gia đình có thành tích trong việc xây dựng và thực hiện hương ước như: lập sổ vàng truyền thống, nêu gương người tốt, việc tốt, ghi nhận công lao, thành tích của tập thể, cá nhân; bình xét, công nhận gia đình văn hóa và các hình thức khen thưởng khác do

cộng đồng tự thỏa thuận hoặc đề nghị các cấp chính quyền khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

- Đối với những người có hành vi vi phạm các quy định của hương ước chủ yếu áp dụng các hình thức giáo dục, phê bình của gia đình, tập thể cộng đồng, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng ở cơ sở. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng các quy định của hương ước thì trên cơ sở thảo luận thống nhất trong tập thể cộng đồng, có thể thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm trong phạm vi cộng đồng hoặc áp dụng các biện pháp phạt nhưng không được đặt ra các biện pháp xử phạt nặng nề xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân. Trong hương ước không đặt ra các khoản phí, lệ phí. Hương ước có thể đề ra các biện pháp nhằm góp phần giáo dục những người có hành vi vi phạm pháp luật bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, xã; giáo dục, cảm hóa, giúp đỡ người phạm tội sau khi ra tự trở thành những người lương thiện, có ích cho xã hội.[4]

❖ Hình thức thể hiện hương ước

Về tên gọi: có thể dùng tên gọi chung là hương ước hoặc quy ước làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư.

Về cơ cấu và nội dung: hương ước có thể có lời nói đầu ghi nhận truyền thống văn hoá của từng làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư và mục đích của việc xây dựng hương ước. Nội dung của hương ước được chia thành các chương, mục, điều, khoản, điểm. Các quy định cụ thể của hương ước cần xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong cộng đồng. Các biện pháp thưởng, phạt có thể quy định ngay tại các điều, khoản cụ thể.

Các quy định của hương ước cần ngắn gọn, cụ thể, thiết thực, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện.

Để thể hiện hương ước, các địa phương có thể và cần tham khảo các bản hương ước đã được ban hành trên địa bàn hoặc tại các địa phương lân cận. Khi tham khảo cần tránh sao chép máy móc nội dung của các bản hương ước đó. Cách thức trình bày, kỹ thuật biên soạn các quy định của hương ước có thể tham khảo, nhưng nội dung thì phải lấy từ thực tiễn cuộc sống ngay tại làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư để đưa vào hương ước.[4]

❖ Quy trình các bước xây dựng một bản hương ước

Hương ước phải được xây dựng một cách thực sự dân chủ, công khai, phù hợp với các quy định của pháp luật, được chia theo các bước cơ bản như sau:

Bước 1. Thành lập Nhóm soạn thảo và tổ chức soạn thảo hương ước:

Trưởng thôn, làng, ấp, bản, cụm dân cư (sau đây gọi chung là Trưởng thôn) chủ trì cùng Bí thư chi bộ, Trưởng Ban công tác Mặt trận thống nhất các nội dung cơ bản cần soạn thảo, đồng thời chỉ định các thành viên Nhóm soạn thảo. Thành viên Nhóm soạn thảo là những người có uy tín và kinh nghiệm sống, có trình độ văn hoá, hiểu biết về pháp luật và phong tục, tập quán ở địa phương, có phẩm chất đạo đức tốt. Nhóm soạn thảo cần có sự tham gia của đại diện một số cơ quan, tổ chức và đại diện của các thành phần trong cộng đồng dân cư như: cán bộ hưu trí, cựu chiến binh, các chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng bản, trưởng tộc và những người khác có uy tín, trình độ trong cộng đồng.

Trưởng thôn chủ trì, phối hợp với Ban công tác Mặt trận, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng ở cơ sở chỉ đạo Nhóm soạn thảo xây dựng hương ước.

Đồng thời, cần tham khảo nội dung các hương ước cũ (nếu có) cũng như nội dung của các hương ước của địa phương khác để lựa chọn, kế thừa được những nội dung tích cực, phù hợp đã trở thành phong tục, tập quán tốt đẹp. Ở những nơi phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số được thể hiện bằng Luật tục thì chọn lọc đưa vào hương ước những quy định của Luật tục phù hợp với pháp luật và thuần phong mỹ tục.

Bước 2. Tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân vào Dự thảo hương ước:

Dự thảo hương ước được gửi đến cơ quan chính quyền, cấp uỷ, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; nếu điều kiện cho phép thì gửi đến từng hộ gia đình để lấy ý kiến đóng góp.

Việc thảo luận đóng góp ý kiến nhằm hoàn thiện dự thảo hương ước có thể được tổ chức bằng các hình thức thích hợp như họp thảo luận ở tổ, đội sản xuất, tổ dân phố, ngõ xóm, nhóm các hộ gia đình, họp thảo luận ở các tổ chức đoàn thể ở thôn, làng, ấp, bản, cụm dân cư; niêm yết, phát trên đài truyền thanh, mở hộp thư để thu thập ý kiến đóng góp.

Dự thảo hương ước có thể được Hội đồng nhân dân hoặc UBND cấp xã thảo luận, tham gia ý kiến nhưng không thông qua như một nghị quyết của Hội đồng hoặc quyết định của UBND cấp xã.

Bước 3. Thảo luận và thông qua hương ước:

Trên cơ sở những ý kiến đóng góp trên, Nhóm soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo và gửi tới các thành viên sẽ được dự kiến mời tham gia Hội nghị để thảo luận và thông qua hương ước.

Dự thảo hương ước phải được thảo luận kỹ, thực sự dân chủ và thông qua tại Hội nghị cử tri hoặc Hội nghị đại biểu hộ gia đình ở làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư. Đại biểu hộ gia đình là chủ hộ hoặc người có năng lực hành vi dân sự được chủ hộ uỷ quyền. Hội nghị này chỉ tiến hành khi có ít nhất là hai phần ba tổng số thành phần cử tri hoặc đại biểu hộ gia đình tham dự. Hương ước được thông qua khi có ít nhất quá nửa số người dự họp tán thành: Trưởng thôn phối hợp với Ban công tác Mặt trận chủ trì Hội nghị. Hội nghị quyết định hình thức biểu quyết thông qua hương ước bằng cách giơ tay biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu.

Bước 4. *Phê duyệt hương ước:*

Sau khi hương ước được thông qua, Chủ tịch UBND xã cùng Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã xem xét nội dung của hương ước bảo đảm phù hợp với pháp luật, thuần phong, mỹ tục và trao đổi thống nhất với Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã về nội dung của hương ước trước khi trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt.

Hương ước chính thức trình phê duyệt cần có chữ ký của Trưởng thôn, Bí thư chi bộ, Trưởng ban công tác Mặt trận và già làng (nếu có) kèm theo Biên bản thông qua tại Hội nghị. Hương ước gửi lên UBND cấp huyện phê duyệt phải có Công văn đề nghị của UBND cấp xã.

Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt hương ước trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản hương ước và Công văn đề nghị phê duyệt. Chủ tịch UBND dân cấp huyện ra quyết định phê duyệt hương ước.

Hương ước đã được phê duyệt phải có dấu giáp lai.

Trong trường hợp hương ước không được phê duyệt thì Phòng Tư pháp chủ trì phối hợp với Phòng Văn hoá - Thông tin hướng dẫn để cơ sở chỉnh lý, hoàn thiện các hương ước đó để trình lại. [4]

b) Tổ chức thực hiện và sửa đổi, bổ sung hương ước

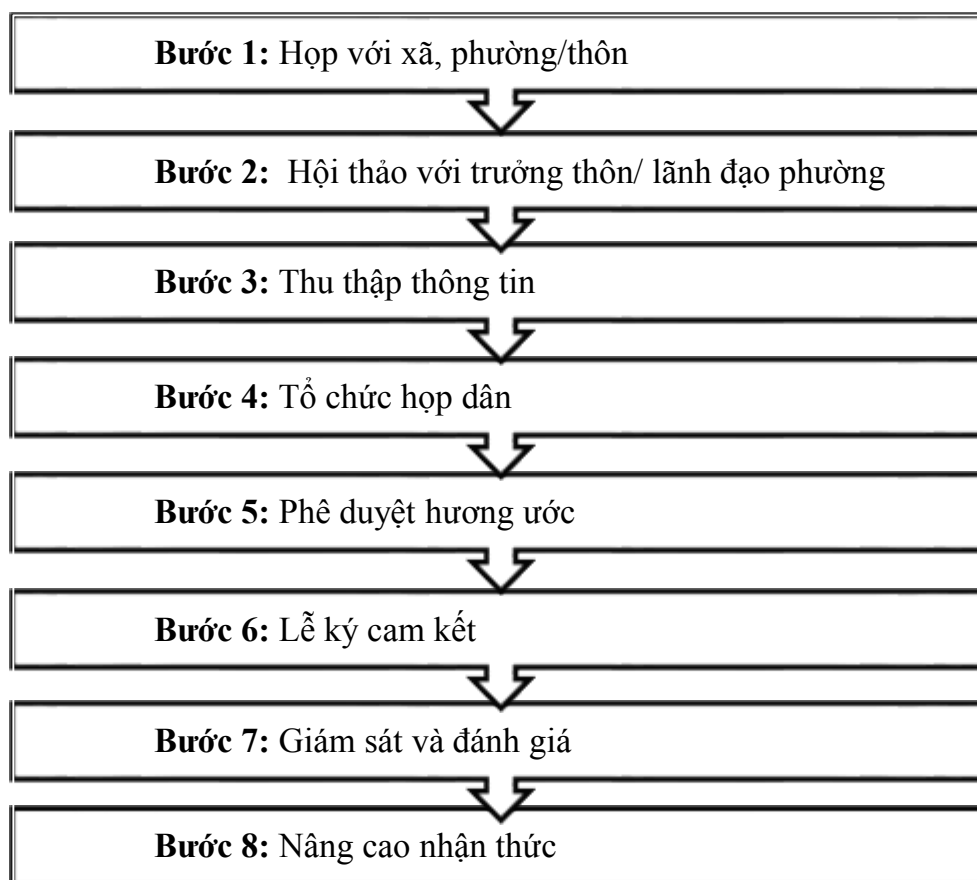
UBND cấp xã có trách nhiệm chuyển hương ước đã được phê duyệt để Trưởng thôn, xóm niêm yết, tuyên truyền, phổ biến đến từng thành viên trong cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện hương ước.

UBND cấp xã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội ở cơ sở chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung của hương ước; kiểm tra, phát hiện và kịp thời chấn chỉnh những sai trái, lệch lạc, tiêu cực

trong việc thực hiện hương ước, định kỳ báo cáo UBND cấp trên và Hội đồng nhân dân cùng cấp việc thực hiện hương ước ở địa phương.

Hàng năm, cần tổ chức kiểm điểm việc thực hiện hương ước. Trong trường hợp cần sửa đổi, bổ sung thì do Hội nghị cử tri hoặc Hội nghị đại biểu hộ gia đình thảo luận. Việc sửa đổi, bổ sung hương ước cũng phải tuân theo trình tự, thủ tục như khi soạn thảo hương ước mới. Không được tùy tiện sửa đổi, bổ sung hương ước sau khi đã được phê duyệt. [4].

Các bước triển khai xây dựng hương ước bảo vệ môi trường theo chương trình SEMLA bao gồm 8 bước sau:



1.2. Các vấn đề về xây dựng hương ước ở Việt Nam

1.2.1. Chủ trương của Đảng và nhà nước về vấn đề xây dựng hương ước.

Đảng và nhà nước ta đã có sự quan tâm, chủ trương, chính sách trong việc xây dựng và thực hiện hương ước cho cộng đồng. Ở Trung ương, việc chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng, thực hiện hương ước chủ yếu được triển khai gắn với việc thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” (do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì), Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân

cu” (do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì) và quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở; được thực hiện cao điểm vào khoảng những năm 2000-2005. Năm 2013, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về tiêu chí, điều kiện lựa chọn danh sách các xã tham gia thực hiện mô hình xây dựng, sửa đổi quy ước, hương ước đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới. Khi nói đến hương ước là đề cập đến một thành tố quan trọng trong thể chế quản lý nông thôn, đề cao tính tự quản, tự trị của thôn, làng, ấp, bản, là một nét văn hóa quản lý truyền thống có tính phổ biến ở khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Ngày 15/4/2016, Bộ Tư pháp đã ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng cường công tác quản lý về xây dựng, thực hiện hương ước

Từ Nghị quyết số 05 – NQ/HNTW Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII ngày 10 tháng 6 năm 1993 về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, hương ước được thừa nhận trở lại, chứng tỏ sự tồn tại bất diệt của nó và đang trở thành một công cụ hữu hiệu trong thể chế quản lý ở nông thôn. Chủ trương “ khuyến khích xây dựng và thực hiện các hương ước các quy chế về nếp sống văn minh ở các thôn, xóm” mà Hội nghị lần này đặt ra đã trở thành nền móng vững chắc cho việc xây dựng hệ thống thể chế về hương ước và phong trào xây dựng và thực hiện hương ước ở nhiều địa phương trong cả nước.

Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đã nêu: “thực hiện tốt các cơ chế làm chủ của nhân dân, làm chủ thông qua đại diện là các cơ quan dân cử và các đoàn thể, làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản bằng các hương ước tại cơ sở phù hợp với pháp luật nhà nước”.

Về phía Nhà nước đã có một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về hương ước, quy ước như: Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chỉ thị số 24/CT – TTg ngày 19 tháng 6 năm 1998 quy định việc xây dựng và thực hiện hương ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư, thông tư liên tịch số 03/2000/ TTLT-BTP-BVHTT-BTTUBTUMTTQVN ngày 31 tháng 3 năm 2000 giữa Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa Thông tin và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc xây dựng và thực hiện hương ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư,...

Đây là các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn cụ thể về nội dung và hình thức thể hiện của hương ước, thủ tục soạn thảo, thông qua, phê duyệt, tổ chức thực hiện, việc sửa đổi, bổ sung hương ước, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp quản lý việc xây dựng và thực hiện hương ước, cách thức đưa nội dung dân số - kế hoạch hóa gia đình vào trong hương ước.

Hương ước được coi như một cội rễ hỗ trợ cho pháp luật để duy trì, phát triển thuần phong mỹ tục, đề cao các chuẩn mực đạo lý và đạo đức truyền thống trong sinh hoạt cộng đồng thôn, làng, ấp, bản, cụm dân cư. Hương ước ra đời nhằm đề cao tính tự quản, tự trị của các thôn, làng, ấp, bản, cụm dân cư, điều này hoàn toàn phù hợp với mục đích phát huy và tăng cường dân chủ hóa ở nông thôn của Đảng và Nhà nước ta.

1.2.2 Tình hình xây dựng và thực hiện hương ước ở các địa phương trong thời gian qua.

❖ Về xây dựng hương ước

Theo báo cáo của 62 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, tính đến tháng 6/2015, trong số 125.083 thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố, khu dân cư (sau đây gọi là thôn, làng) được rà soát, có 109.698 hương ước đã được phê duyệt, chiếm tỷ lệ 87,7 %; 6.694 hương ước đang trong quá trình phê duyệt; 3.260 hương ước đang xây dựng Một số địa phương có 100% thôn, làng có hương ước được phê duyệt như: Bến Tre, Bạc Liêu, Bình Dương, Cà Mau, Đồng Nai, Hà Nam, Ninh Bình, Tuyên Quang. Tại một số địa phương có những thôn, làng đã xây dựng và được phê duyệt hơn 01 bản hương ước (Đồng Nai, Phú Yên, Quảng Bình, Điện Biên)

Việc xây dựng và phê duyệt hương ước của thôn, làng cơ bản thực hiện theo đúng quy trình soạn thảo, thông qua, thẩm định và phê duyệt trước khi đưa vào triển khai thực hiện. Đa số hương ước khi xây dựng đã đảm bảo phát huy dân chủ, có sự bàn bạc, thống nhất ý kiến của nhân dân tại cơ sở trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc soạn thảo hương ước được các thôn, làng chủ trì thực hiện thông qua Nhóm soạn thảo là những người có phẩm chất đạo đức tốt, uy tín và kinh nghiệm sống, có trình độ văn hoá, hiểu biết về pháp luật và phong tục, tập quán ở địa phương. Dự thảo hương ước sau khi xây dựng được gửi lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan; được nhân dân thảo luận và thống nhất thông qua.

❖ Về thực hiện hương ước

Việc triển khai thực hiện hương ước đã được quan tâm, bước đầu đem lại hiệu quả tích cực. Các hương ước sau khi được phê duyệt đã được phổ biến, quán triệt đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn bằng các hình thức khác nhau như: photocopy các bản hương ước phát đến từng hộ gia đình; phổ biến qua hệ thống truyền thanh của xã, phường, xã; qua hội nghị của các ban, ngành, đoàn thể; niêm yết tại UBND cấp xã, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, làng; đặc biệt là thông qua các cuộc họp thôn, làng để phổ biến tới từng hộ gia đình triển khai thực hiện... Đặc biệt, tại Quảng Nam, một số địa phương còn chuyển tải nội dung hương ước sang hình thức thơ, vè để mọi người dễ nhớ.

Việc theo dõi, giám sát thực hiện hương ước được giao cho thôn, làng thực hiện. Một số địa phương còn thành lập Ban theo dõi thực hiện hương ước, quy ước (Kon Tum, Vĩnh Phúc)

Việc xem xét, đánh giá việc thực hiện hương ước được thực hiện hàng năm trong các cuộc họp thôn, làng, ngày hội đại đoàn kết dân tộc, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Nhìn chung, các quy định trong hương ước được nhân dân tự giác thực hiện nghiêm túc. [17]

1.3. Vai trò của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ môi trường

Sự tham gia của cộng đồng vào bảo vệ môi trường khác với sự tham gia của từng cá nhân, bởi vì trước hết cộng đồng là một tập hợp dân cư có lịch sử gắn bó lâu dài và chia sẻ nhiều đặc điểm chung. Chính vì vậy, cộng đồng là một tổng thể nên có những nét chung mà từng cá nhân tạo nên cộng đồng không có.

Cộng đồng tham gia vào việc giải quyết các vấn đề môi trường trước hết là nội dung mang tính dân chủ, mọi người đều có quyền tham gia vào công tác quản lý của nhà nước, góp phần cùng với nhà nước thực hiện bảo vệ môi trường. Tuy nhiên vấn đề nhấn mạnh ở đây là ý thức của cộng đồng về môi trường. Đó là cơ sở, nền tảng cho các yếu tố nhận thức, thái độ và hành động cụ thể của các thành viên trong cộng đồng.

Những tính chất có sức mạnh nổi bật của cộng đồng là: tính đoàn kết, gắn bó, hỗ trợ lẫn nhau vì quyền lợi chung (sức mạnh tập thể bao giờ cũng lớn hơn sức mạnh cá nhân); sự sáng tạo và duy trì các kiến thức bản địa (đây là một đặc trưng văn hoá phi vật thể, lan truyền và bổ sung từ thế hệ này qua thế hệ khác, tạo ra sức sống của cộng đồng trong quá trình sản xuất và bảo vệ cuộc sống); lòng tự hào về truyền thống của

làng xóm, của quê hương gắn với tình yêu dân tộc, đó cũng chính là cuội nguồn lớn nhất của sức mạnh cộng đồng.

Hiện nay công tác bảo vệ môi trường đang đứng trước thách thức to lớn, khi mà nhu cầu về một môi trường sống trong lành và an toàn luôn mâu thuẫn với nhu cầu hưởng thụ một đời sống vật chất sung túc. Nói cách khác, công tác bảo vệ môi trường đang phải đối mặt với các mâu thuẫn trong suy nghĩ, thái độ, hành vi về môi trường giữa các nhóm người khác nhau trong xã hội, giữa người này với người khác và ngay cả trong bản thân một con người. Để quản lý môi trường có hiệu quả, trước hết cần dựa vào các cộng đồng. Các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường phải là thể thống nhất, hài hoà và có sự tham gia của tất cả các cá nhân cũng như các tổ chức trong việc chăm sóc môi trường ở cơ sở để đáp ứng nhu cầu của cuộc sống. Bảo vệ môi trường ở cơ sở xã, phường, xã là một vấn đề còn mới mẻ, nhưng rất bức bách và gắn liền với lợi ích của cộng đồng. Sự tham gia của cộng đồng vào bảo vệ môi trường là một trong những giải pháp quan trọng của công tác quản lý, bảo vệ môi trường ở địa phương, vì qua các cấp quản lý hành chính (từ Trung ương đến cơ sở) thì càng xuống cấp thấp hơn vai trò của người dân càng trở nên quan trọng. Sự tham gia của cộng đồng vào bảo vệ môi trường không chỉ tạo thêm nguồn lực tại chỗ cho sự nghiệp bảo vệ môi trường, mà còn là lực lượng giám sát môi trường nhanh và hiệu quả, giúp cho các cơ quan quản lý môi trường giải quyết kịp thời sự ô nhiễm môi trường ngay từ khi mới xuất hiện.

Hiện nay công tác quản lý môi trường ở xã Hải Minh đang dần gắn kết với cộng đồng dân cư thông qua các tổ chức, ban ngành đoàn thể trên toàn địa bàn xã. Cộng đồng dân cư có một vai trò rất quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường, môi trường có sạch đẹp hay không chính là phụ thuộc vào ý thức của người dân tại địa phương.

1.4. Tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại xã Hải Minh

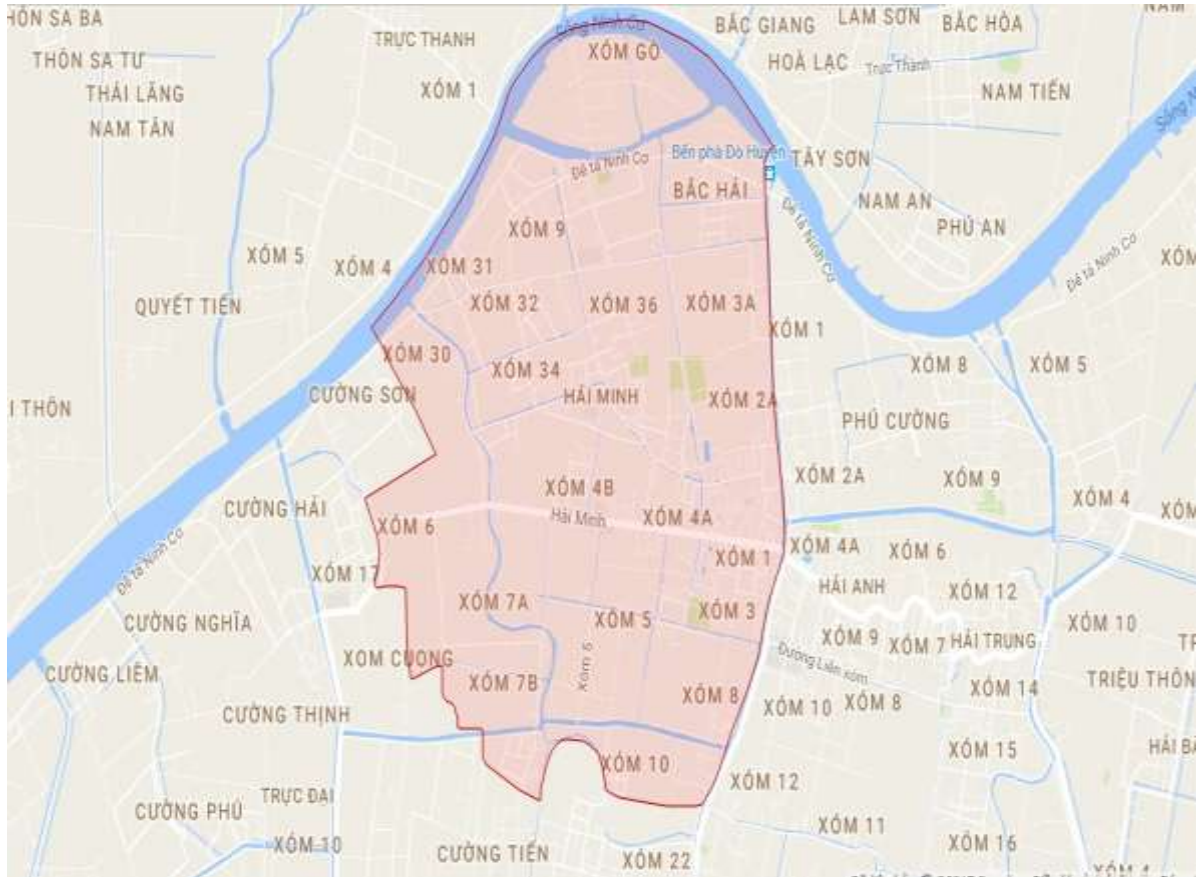
1.4.1. Điều kiện tự nhiên

❖ Vị trí địa lý

Xã Hải Minh nằm về phía Tây Bắc của huyện Hải Hậu, cách trung tâm huyện Hải Hậu khoảng 7km, tổng diện tích tự nhiên của xã Hải Minh là 714 ha. Địa giới hành chính được xác định như sau:

- + Phía bắc và phía tây giáp sông Ninh Cơ và huyện Trực Ninh,

- + Phía tây nam giáp xã Trực Đại,
- + Phía tây bắc giáp xã Trực Thanh,
- + Phía bắc giáp xã Trực Đạo,
- + Phía đông bắc giáp xã Cát Thành,
- + Phía đông giáp với xã Hải Anh.



Hình 1.1. Vị trí địa lý xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

❖ *Về địa hình*

Địa hình của xã Hải Minh nói riêng và huyện Hải Hậu nói chung là nằm trong đồng bằng Châu thổ sông Hồng, vùng đồng bằng ven biển đất đai bằng phẳng, thuận tiện cho phát triển cơ sở hạ tầng, các điểm dân cư đô thị và thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là nghề trồng lúa nước và các loại hoa màu khác

Địa hình đồng bằng hướng dốc địa hình từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông. Nhìn chung địa hình vùng đồng bằng tương đối bằng phẳng, tuy nhiên có nhiều vùng trũng cục bộ thường bị úng ngập vào mùa mưa.

❖ *Về khí hậu*

Nằm trong địa bàn huyện Hải Hậu, xã Hải Minh mang đầy đủ những đặc trưng của khí hậu Đồng Bằng Bắc Bộ và ven biển, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của khí hậu

nhật đới gió mùa và được chia làm 4 mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Trong đó mùa xuân và mùa thu là 2 mùa chuyển tiếp, mùa hạ và mùa đông có khí hậu trái ngược nhau. Mùa hạ thời tiết nóng, mưa nhiều; mùa đông trời lạnh khô và mưa ít. Theo chế độ mưa có thể chia khí hậu của huyện thành 2 mùa chính:

- Mùa mưa: Bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 10 với đặc trưng là nóng, ẩm và mưa nhiều. Hướng gió thịnh hành là gió Đông - Nam với tốc độ 2 - 4 m/s. Nhiệt độ trung bình cao nhất 28⁰C, lượng mưa từ 1.700 - 1.800 mm, chiếm 80% lượng mưa cả năm. Khi mùa lũ đến, mực nước biển, mực nước sông Ninh Cơ lên cao kết hợp với mưa lớn, tập trung gây ngập úng cho phần lớn các vùng thấp trũng, làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp cũng như sinh hoạt của nhân dân.

- Mùa khô: Bắt đầu từ giữa tháng 11 cho đến cuối tháng 1 năm sau, có khí hậu lạnh, ít mưa. Hướng gió thịnh hành là gió Đông - Bắc, thường gây lạnh đột ngột. Nhiệt độ trung bình thấp nhất là 15⁰C, lượng mưa ít, chỉ đạt từ 15 - 20% lượng mưa cả năm

❖ Về thủy văn

Chế độ thủy văn của xã Hải Minh chịu ảnh hưởng chính của các con sông: sông Hồng, sông Ninh Cơ và chế độ thủy triều.

Sông Ninh Cơ được tách ra từ sông Hồng, dài khoảng 51km, đoạn chảy qua Hải Hậu dài 19 km. Sông chảy quanh co uốn khúc có nhiều bãi bồi ven biển. Hàng năm sông Ninh Cơ chuyển khoảng 7 tỷ m³ nước, 15 triệu tấn phù sa từ sông Hồng. Ngoài ra hệ thống ao, hồ, kênh, mương và các con sông nhánh nhỏ trên địa bàn xã hàng năm cũng cung cấp lượng nước đáng kể phục vụ cho nông nghiệp, đồng thời vừa cải thiện được vệ sinh, môi trường tại đây. Tuy nhiên vào mùa mưa lũ cũng gây thiệt hại không nhỏ cho các khu dân cư trên địa bàn xã. [12]

1.4.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

❖ Về dân số

Xã Hải Minh có diện tích là 714 ha, toàn xã Hải Minh có 12.815 người, được phân bố ở 26 xóm trên địa bàn xã. Trong đó có 6.317 người là nam giới và 6.448 người là nữ giới với 4.327 hộ dân, số người trong độ tuổi lao động là 8106 người. Tỷ lệ lao động tập trung chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp chiếm 60%, lao động công nghiệp, thương mại – dịch vụ chiếm 40%.

Xã Hải Minh có mật độ dân số là 1795 người/km². Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên là 1,4% bằng mức bình quân của huyện. Trong xã chủ yếu là dân tộc Kinh, 58% số hộ

theo đạo Phật và 42% hộ theo Thiên Chúa giáo. Tỷ lệ hộ nghèo theo theo tiêu chí mới là 2,83%, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế ước đạt 80%. [15]

❖ *Về kinh tế*

Kinh tế của xã Hải Minh khá đa dạng, gồm nông nghiệp (trồng lúa), đồ gỗ mỹ nghệ cao cấp, mây tre đan xuất khẩu và nghề cây cảnh.

Năm 2016, tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã đạt 11,71% tăng 0,38%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng công nghiệp – dịch vụ đạt 62.9%, năng suất lúa đạt 3,23 tạ/ha tăng 2,2% so với năm 2014, tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 23,7 triệu đồng/người/năm. Tổng giá trị thu được năm 2015 là 303.684,5 triệu đồng.

Xã khuyến khích tạo điều kiện cho ngành nghề truyền thống phát triển, mở rộng nghề sản xuất đồ gỗ, đan bẹ chuổi, sản xuất gạch tuynel, dệt may [15]

❖ *Về văn hóa- xã hội*

Trong những năm qua, được sự quan tâm của UBND xã Hải Minh và với sự sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, quyết tâm vượt mọi khó khăn, thử thách, tiến hành công cuộc đổi mới về mọi mặt trên địa bàn xã Hải Minh, Đảng bộ và nhân dân xã đã có những bước thay đổi khang trang và tươi đẹp hơn. Năm 2016, xã Hải Minh đã được đón nhận danh hiệu Nông thôn mới. Cơ sở hạ tầng phát triển nhanh chóng và chất lượng cuộc sống của nhân dân từng bước được nâng cao. Trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, an ninh chính trị được giữ vững. Hầu hết đường giao thông đi lại trên địa bàn xã là đường nhựa và đường bê tông.

Trên địa bàn xã có 2 trường mầm non, 2 trường tiểu học và 2 trường trung học cơ sở. Tất cả các trường học trên địa bàn xã đều đạt chuẩn quốc gia. Trong những năm qua, vấn đề giáo dục và đào tạo của xã đã có những bước phát triển theo chiều hướng tích cực, chất lượng dạy và học không ngừng được nâng cao, quy mô trường lớp được mở rộng, huy động được tối đa trẻ em trong độ tuổi đến trường, công tác xây dựng, cải tiến cơ sở hạ tầng trường học được chú trọng.

CHƯƠNG 2: ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Nhà quản lý môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.
- Các hộ gia đình và người dân sinh sống xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

- Đề tài được nghiên cứu từ ngày 19/3 đến hết ngày 15/5/2017
- Đề tài được thực hiện trên địa bàn xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp thu thập tài liệu

Để xây dựng được bản hương ước về bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh, trước hết phải tìm hiểu đặc điểm, đặc trưng, điều kiện của xã cũng như các tài liệu liên quan đến môi trường tại địa phương. Tôi đã tiến hành thu thập các thông tin, tài liệu phục vụ cho đề tài như sau:

Tài liệu về điều kiện tự nhiên – kinh tế - xã hội của xã Hải Minh.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2016, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2017 của UBND xã Hải Minh.

Đề án xây dựng nông thôn mới xã Hải Minh..

Từ các tài liệu trên, tôi đã lựa chọn, tổng hợp được các thông tin cần thiết để thực hiện đồ án

2.3.2. Phương pháp điều tra xã hội học

Phương pháp nghiên cứu bằng các công cụ điều tra xã hội học nhất là bảng câu hỏi là một công cụ đo lường mềm dẻo và đa dạng, có thể tiếp cận được những vấn đề phức tạp. Để đánh giá được hiện trạng môi trường và công tác quản lý môi trường tại địa phương cũng như mức độ quan tâm, hiểu biết của cộng đồng về vấn đề bảo vệ môi trường, tôi sử dụng phương pháp điều tra xã hội học để thu thập được các thông tin, dữ liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài. Cụ thể là sử dụng các phiếu điều tra (bảng hỏi) và thực hiện phỏng vấn trực tiếp.

- Xây dựng phiếu điều tra để điều tra đánh giá về hiện trạng môi trường và công tác quản lý môi trường cho 2 đối tượng là: mẫu phiếu điều tra cộng đồng dân cư và mẫu phiếu điều tra cho các cán bộ quản lý tại khu vực nghiên cứu.

- Tiến hành điều tra: Số phiếu là 70 phiếu với 2 mẫu phiếu điều tra cho 2 nhóm đối tượng cụ thể là cộng đồng dân cư với số lượng là 50 phiếu(chia đều cho 5 xóm: xóm 5, xóm 4a, xóm 4b, xóm 2a, xóm 2b) và cán bộ quản lý với số lượng là 20 phiếu.

Dựa trên hiệu quả điều tra đánh giá hiện trạng môi trường và hiện trạng công tác quản lý môi trường trên địa bàn xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xây dựng bản dự thảo hương ước bảo vệ môi trường với sự tham gia của cộng đồng dân cư.

2.3.3. Phương pháp DPSIR

Ứng dụng mô hình DPSIR vào trong phạm vi của đề án này, tôi chỉ thống kê các nguồn gây ô nhiễm và tác động của các nguồn gây ô nhiễm để làm cơ sở đánh giá hiện trạng môi trường ở địa phương. Từ đó đề xuất ra bản dự thảo hương ước tại xã Hải Minh

Từ các số liệu thu thập được về hiện trạng môi trường địa phương thông qua thu thập số liệu và điều tra xã hội học, thống kê nguồn gây ô nhiễm, tác động của nguồn gây ô nhiễm môi trường, từ đó làm cơ sở để đánh giá hiện trạng môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- + Nguyên nhân gây ô nhiễm
- + Nguồn thải
- + Tác động của nguồn thải

2.3.4. Phương pháp tham vấn cộng đồng

Phương pháp này được thực hiện trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng dân cư và các nhà quản lý tại xã Hải Minh.

Trong quá trình thực hiện nghiên cứu đánh giá môi trường sự tham gia của cộng đồng dân cư là một yêu cầu cơ bản và quan trọng để đảm bảo sự chấp thuận của cộng đồng dân cư đối với dự án, phát huy các mặt tích cực và hạn chế các tác động xấu tới môi trường. Để thể hiện được sự tham vấn cộng đồng, tôi đã lập phiếu điều tra phỏng vấn người dân và các nhà quản lý trên địa bàn xã Hải Minh về hiện trạng môi trường, việc thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường hiện nay. Đồng thời thăm dò được mức độ quan tâm của người dân đối với công tác bảo vệ môi trường tại đây. Cùng với các tài liệu đã thu thập được và chọn lọc để từ đó đánh giá được về hiện trạng môi trường và công tác quản lý, bảo vệ môi trường của xã Hải Minh

Bản dự thảo Hương ước về Bảo vệ môi trường được lập ra dựa trên cơ sở sau khi đã tổng hợp được các thông tin từ phiếu điều tra, phân tích hiện trạng môi trường địa phương, nhu cầu cần thiết trong vấn đề bảo vệ môi trường và bàn bạc, trao đổi ý kiến với các cán bộ môi trường xã Hải Minh.

Trên cơ sở điều tra khảo sát về hiện trạng môi trường và hiện trạng công tác quản lý, bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh. Tôi đã tiến hành tổ chức cuộc họp và đưa ra bản dự thảo hương ước lấy ý kiến cộng đồng về bảo vệ môi trường tại địa phương. Tại cuộc họp gồm có:

- Thành phần tham dự : Đ/c Nguyễn Văn Ry – Chủ tịch UBND xã Hải Minh, Đ/c Vũ Thị Thu – Văn phòng UBND xã Hải Minh, các khách mời, các vị đại biểu và người dân đại diện cho các hộ gia đình, xóm, đội.....

- Địa điểm tổ chức cuộc họp: Hội trường UBND xã Hải Minh

- Thời gian tổ chức cuộc họp: từ 8h đến 10h30 ngày 20/4/2017

- Nội dung cuộc họp:

• Thảo luận, hỏi đáp các vấn đề chính của cuộc họp, đề xuất bản dự thảo hương ước tới các nhà quản lý và người dân tham gia cuộc họp.

• Lấy ý kiến đóng góp về các điều đưa ra trong bản dự thảo hương ước.

Kết thúc cuộc họp, tổng kết lại các ý kiến đóng góp và thông nhất cho bản Hương ước về bảo vệ môi trường. Sau đó sẽ bổ sung, hoàn thiện cho bản Hương ước cho phù hợp

2.3.5. Phương pháp xử lý số liệu

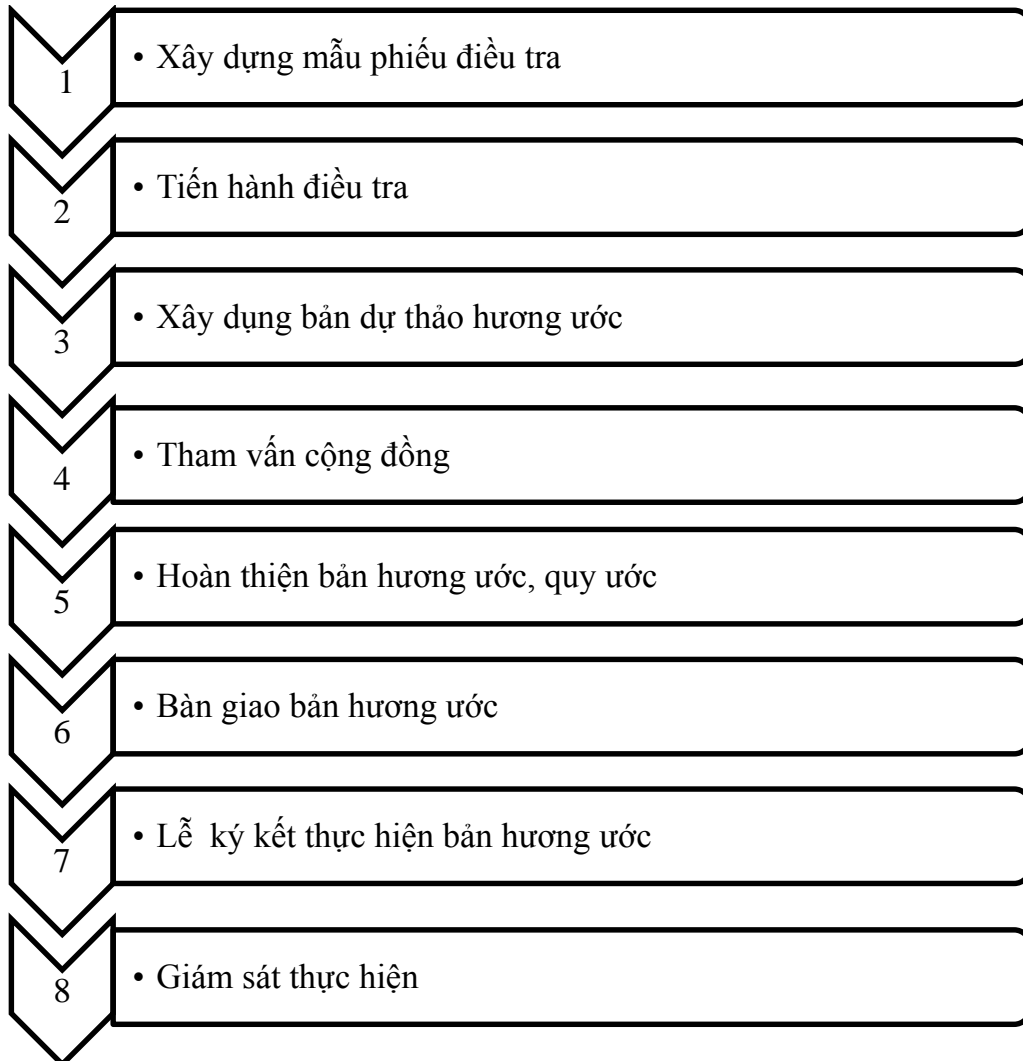
Sử dụng các phần mềm Microsoft Excel, Microsoft Word để tổng hợp, phân tích các số liệu đã thu thập được.

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Quy trình xây dựng hương ước tại xã Hải Minh

Hương ước bảo vệ môi trường được xây dựng dựa trên hiện trạng môi trường của địa phương. Các vấn đề môi trường còn tồn tại, cách thức để cộng đồng có thể bảo vệ môi trường được xem xét và thống nhất trở thành các điều khoản trong hương ước.

Để đánh giá được hiện trạng môi trường cần tiến hành thực hiện điều tra, khảo sát thực tế, các khu vực tập trung đông dân cư, các tụ điểm có khả năng phát sinh nhiều dạng chất thải, các công trình đang thi công trên địa bàn. Dựa vào các văn bản hướng dẫn về việc xây dựng hương ước quy ước và bảo vệ môi trường, dựa vào việc khảo sát, điều tra về hiện trạng môi trường xã Hải Minh, tôi xây dựng quy trình xây dựng hương ước quy ước và bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định gồm 8 bước sau đây:



Hình 3.1: Quy trình các bước xây dựng hương ước ở xã Hải Minh

3.2. Hiện trạng môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

3.2.1. Hiện trạng môi trường nước

❖ Nước mặt

Nguồn nước từ sông Hồng và Sông Ninh Cơ (*Sông Ninh Cơ là chi lưu của sông Hồng*) được dẫn qua hệ thống kênh, mương là nguồn nước mặt chủ yếu, quan trọng phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, tuy vào mùa khô lượng nước các sông xuống thấp, nước mặn xâm nhập sâu gây thiếu nước cho sản xuất và cho sinh hoạt..

Ngoài ra nguồn nước mặt trên địa bàn xã Hải Minh còn phụ thuộc vào lượng nước mưa tự nhiên. Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa ẩm nên lượng mưa tại địa phương khá nhiều, lượng nước mưa trên được đổ vào các sông và hồ, ao tạo thành nguồn nước mặt cung cấp chủ yếu cho sản xuất sinh hoạt của người dân

Tuy nhiên, chất lượng nước mặt tại xã Hải Minh có dấu hiệu bị ô nhiễm, tuy không nghiêm trọng nhưng cũng được quan tâm khắc phục. Theo kết quả điều tra khảo sát thực tế thu được bảng sau:

Bảng 3.1: Ý kiến của người dân và nhà quản lý về hiện trạng môi trường nước mặt

Thực trạng môi trường nước mặt	Không ô nhiễm	Ô nhiễm	Ý kiến khác
Đánh giá của nhà quản lý	12/20 phiếu	7/20 phiếu	1/20 phiếu
Đánh giá của người dân	31/50 phiếu	16/50 phiếu	3/50 phiếu
Tổng	43/70 phiếu	23/70 phiếu	4/70 phiếu
Tỉ lệ	61.4%	32.9%	5.7%

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra

Qua đây ta thấy, chất lượng nước mặt trên địa bàn xã Hải Minh là tương đối tốt, có thể sử dụng cho việc cấp nước sinh hoạt cho người dân như tưới cây trồng.... Tuy nhiên vẫn cần phải có biện pháp bảo vệ tránh làm ô nhiễm môi trường nước.

❖ Nước ngầm

Nguồn nước ngầm: qua điều tra, khảo sát ban đầu cho thấy nguồn nước ngầm tại khu vực xã Hải Minh tương đối phong phú, tầng khai thác nước ngầm phổ biến ở độ sâu từ 80 – 150m. Xã Hải Minh chưa có hệ thống xử lý nước sạch để cung cấp cho người dân. Hiện nay có khoảng trên 90 % người dân ở đây sử dụng nguồn nước ngầm là nguồn nước sinh hoạt chính, các hộ dân sử dụng nguồn nước sinh hoạt từ giếng khơi hoặc giếng khoan.

Nhiều hộ gia đình có điều kiện thường không sử dụng nước trực tiếp bơm từ giếng khoan mà thông qua hệ thống bể lọc mới sử dụng cho sinh hoạt như nấu ăn, tắm giặt, bơm rửa,... để đảm bảo vệ sinh. Các hoạt động như tưới tiêu, chăn nuôi, vệ sinh chuồng trại người dân sử dụng nước bơm trực tiếp từ giếng khoan

Nước ngầm ở đây là vô cùng quý giá. Tuy nhiên, nguồn nước ấy đang đứng trước nguy cơ tiềm ẩn các yếu tố không bền vững. Nguồn nước ngầm tại đây đang có dấu hiệu suy giảm về chất lượng và số lượng. Theo kết quả điều tra, khảo sát thu được thì 10% ý kiến cho rằng nguồn nước ngầm ở đây là bị ô nhiễm, 88% ý kiến là không ô nhiễm có thể sử dụng cho sinh hoạt và 3% là ý kiến khác.

Bảng 3.2: Ý kiến của người dân về hiện trạng nước ngầm

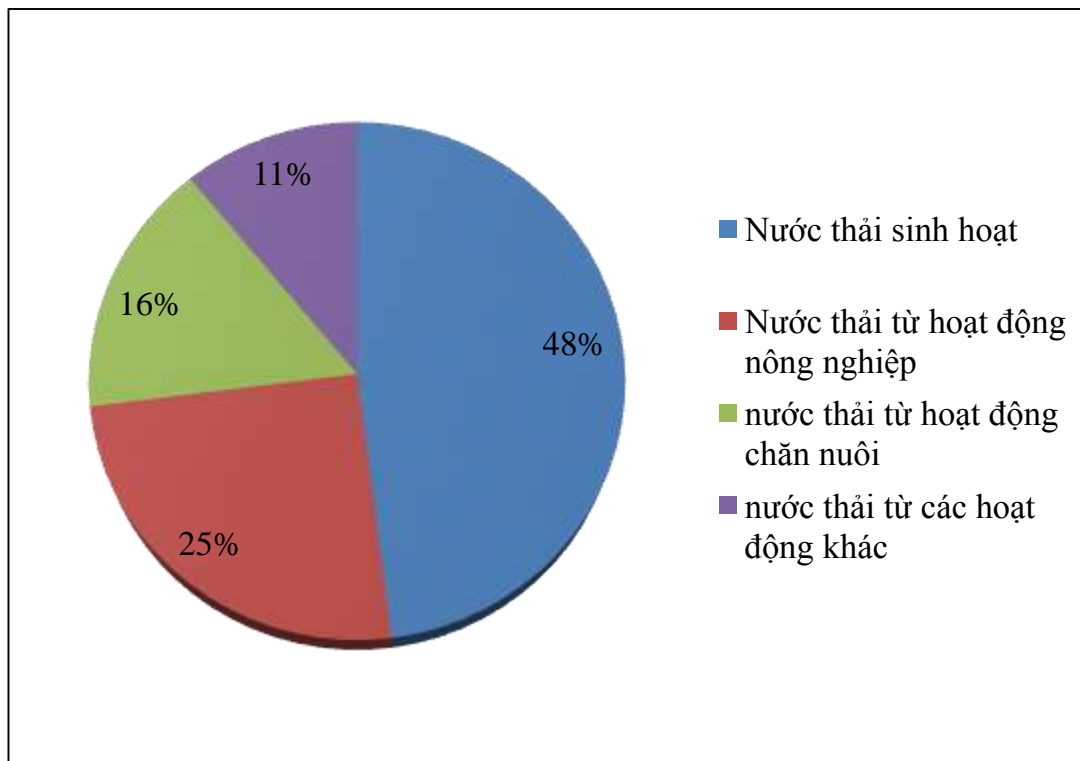
Ý kiến của người dân	Ô nhiễm (%)	Không ô nhiễm (%)	Ý kiến khác (%)
Nước ngầm	10	88	3

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra

Chính vì vậy, cần có sự quan tâm của các cấp chính quyền trong việc bảo vệ nguồn nước ngầm tại xã Hải Minh.

❖ Nước thải

Theo kết quả điều tra, khảo sát thực tế, nước thải từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp chiếm khoảng 25% (13/50 phiếu); nước thải từ các hoạt động sinh hoạt thường ngày của người dân địa phương chiếm khoảng 48% (24/50 phiếu); nước thải từ hoạt động chăn nuôi chiếm khoảng 16% (7/50 phiếu); còn lại là nước thải từ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất khác chiếm khoảng 11% (6/50 phiếu).



Hình 3.2: Các nguồn nước thải trên địa bàn xã Hải Minh (%)

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra

Qua đây ta thấy nguồn nước thải tại xã Hải Minh chủ yếu là từ hoạt động sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và làng nghề của các cá nhân, tổ chức và hộ gia đình sinh sống và hoạt động trên địa bàn. Phần lớn các hộ gia đình trong xã tham gia sản xuất nông nghiệp kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản. Lượng nước thải phát sinh từ quá trình tẩy rửa, vệ sinh chuồng trại không được xử lý, xả thẳng trực tiếp ra môi trường làm tăng khả năng ô nhiễm môi trường nước. Mặt khác, thức ăn trong hồ, ao nuôi cá lâu ngày bị phân huỷ khi nạo vét, thay mới được người dân đổ thẳng ra kênh, mương thoát nước.

➤ **Tác động của ô nhiễm nguồn nước**

- *Ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và sức khỏe người dân*

Theo số liệu thống kê thì đa số người dân trong xã mắc các chứng bệnh về đường ruột và nhiều chứng bệnh ngoài da, bệnh viêm gan là do các loại vi khuẩn và siêu vi trùng có trong nước bị ô nhiễm gây ra.. [15] Nguồn nước bị nhiễm ký sinh trùng (do việc quản lý không tốt các loại chất thải, phân gia súc, gia cầm), thuốc bảo vệ thực vật đều là những tác nhân làm gia tăng tỷ lệ mắc bệnh,.

Nước là nguồn truyền bệnh rộng nhất, nhanh nhất và nguy hiểm nhất. Ảnh hưởng của ô nhiễm nước đối với sức khỏe con người có thể thông qua hai con đường: một là do ăn uống phải nước bị ô nhiễm hay các loại rau quả và thủy hải sản được nuôi trồng trong nước bị ô nhiễm, hai là do tiếp xúc với môi trường nước bị ô nhiễm trong quá trình sinh hoạt và lao động.

Sử dụng nguồn nước trực tiếp không qua đun nấu cũng để lại những tác hại nghiêm trọng đến sức khỏe người dân. Đây chính là nguyên nhân khiến dịch tay chân miệng tái đi tái lại trong vùng, dịch tiêu chảy cũng luôn rình rập, đe dọa sức khỏe trẻ em.

Như vậy việc sử dụng nước sạch và vệ sinh an toàn rất quan trọng đối với đời sống của người dân. Từ đó cho thấy việc bảo vệ môi trường nước là rất cấp bách, cần thiết và quan trọng, cần có sự ý thức bảo vệ của người dân và chú trọng quản lý của chính quyền địa phương.

- Ảnh hưởng đến sự phát triển các ngành kinh tế - xã hội

Môi trường nước mặt (sông, hồ, kênh, mương) là nguồn tưới tiêu chính trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Khi chất lượng nước của hệ thống này bị ô nhiễm dẫn tới những thiệt hại không nhỏ đối với hoạt động canh tác tại các khu vực nông thôn.

Ô nhiễm môi trường nước làm suy yếu sức khỏe con người, từ đó dẫn đến làm giảm năng suất lao động, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp.. Nước sạch cung cấp cho phát triển nông nghiệp ngày càng thiếu. Mặt khác chi phí dành cho khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường nước không ngừng tăng lên.

3.2.2. Hiện trạng môi trường không khí

Theo kết quả phỏng vấn trực tiếp về môi trường không khí của một số hộ dân và nhà quản lý trên địa bàn xã thì thực trạng môi trường không khí được thể hiện qua bảng:

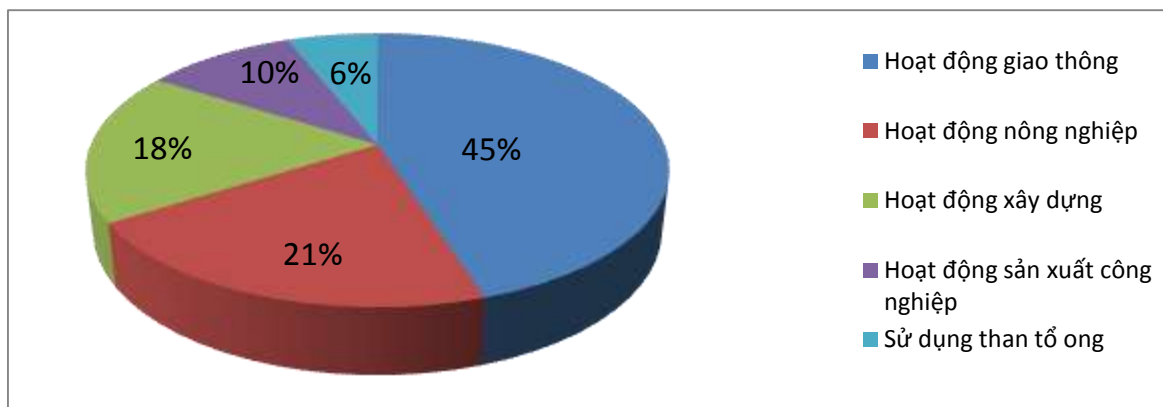
Bảng 3.2: Ý kiến của người dân về ô nhiễm không khí tại xã Hải Minh

Thực trạng môi trường không khí	Ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không quan tâm
Ý kiến của nhà quản lý	12/20 phiếu	7/20 phiếu	1/20 phiếu
Ý kiến của người dân	29/50 phiếu	19/50 phiếu	2/50 phiếu
Tổng	41/70 phiếu	26/70 phiếu	3/70 phiếu
Tỉ lệ	58,6 %	37,1%	4,3%

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra

Đa số các hộ dân có câu trả lời “ô nhiễm” đều nằm gần các trục đường giao thông chính trên địa bàn xã, có tình trạng khói bụi nhiều do hoạt động của các phương tiện giao thông. Ngược lại những hộ dân có câu trả lời “không ô nhiễm” đều nằm gần ở những nơi dân cư thưa thớt, không thuộc mặt đường giao thông chính của xã.

Từ quá trình điều tra, phỏng vấn cho biết các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí được thể hiện qua hình sau:



Hình 3.3: Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí (%)

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra

Qua đây ta thấy:

➤ Ô nhiễm môi trường không khí chủ yếu là do hoạt động giao thông với 45% (23/50 phiếu) ý kiến, nguyên nhân chủ yếu là do: lượng xe máy, ô tô, xe ba bánh, xe tải lưu hành trên các tuyến đường giao thông trong xã ngày một tăng khi hệ thống giao thông đang ngày càng được đầu tư, hoàn chỉnh hơn trước. Chất lượng các phương tiện tham gia giao thông không đạt chuẩn thải cũng góp phần gây ô nhiễm môi trường đáng kể.

➤ Ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động xây dựng chiếm 18% (9/50 phiếu), nguyên nhân chủ yếu là: bụi phát sinh trong quá trình đào đất đá, san ủi mặt bằng, bốc dỡ nguyên, vật liệu xây dựng, trộn bê tông và vật liệu xây dựng rơi vãi từ các xe vận chuyển.... Thành phần bụi chủ yếu là bụi đất, cát, bụi xi măng. Ngoài ra còn phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn do hoạt động của các máy móc xây dựng.

➤ Ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động sản xuất nông nghiệp chiếm 21% (13/50 phiếu), nguyên nhân là: diện tích xã chủ yếu là đất nông nghiệp, nên việc phát sinh chất thải, khí thải từ sản xuất nông nghiệp là rất lớn. Phân bón hóa học sử dụng không đúng kỹ thuật hoặc trồng cây không hấp thụ hết sẽ bị phân hủy, quá trình này sản sinh ra nhiều khí gây ô nhiễm. Sau khi sử dụng, các loại hoá chất này một

phần được cây trồng hấp thụ vào, một phần bị ô-xy hoá thành dạng khí bay lên như NO₂ phân hủy từ phân đạm, urê; SO₂ từ phân supe lân, supe photphat... Chưa kể đến, chai lọ, bao bì không được thu gom, xử lý lượng hoá chất còn tồn đọng trong đó cũng gây mùi khó chịu. Bên cạnh đó việc sử dụng các loại phân hữu cơ như phân chuồng, phân bắc chưa ủ qua hoai mục hoàn, gây ra ô nhiễm mùi cho các khu dân cư.

➤ Ô nhiễm do hoạt động công nghiệp chiếm 10% (5/50 phiếu): chủ yếu là bụi và khí thải từ hoạt động đốt lò sản xuất gạch, đồ gỗ mỹ nghệ của người dân tại xóm 4a và xóm 4b của xã.

➤ Ngoài ra, 6% (3/70 phiếu) ý kiến cho rằng việc sử dụng than tổ ong trong hoạt động sinh hoạt và sản xuất của người dân cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí. Do yếu tố kinh tế, nhiều hộ gia đình đã chọn than tổ ong là nhiên liệu để đun nấu thay ga hay dầu nhằm giảm chi phí sinh hoạt.

➤ **Tác động của ô nhiễm môi trường không khí**

- *Ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và sức khoẻ người dân*

Theo kết quả điều tra thực tế trên 60% (33/50 phiếu) ý kiến người dân cho biết ô nhiễm không khí đang tác động trực tiếp đến sinh hoạt thường ngày của người dân. Mùi hôi thối do nước thải, chất thải từ các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; bụi bẩn và tiếng ồn từ các cơ sở sản xuất đã khiến cuộc sống sinh hoạt của người dân bị đảo lộn.

Khi môi trường không khí bị ô nhiễm, sức khoẻ con người bị suy giảm, quá trình lão hoá trong cơ thể tăng nhanh, chức năng của phổi bị suy giảm gây bệnh hen suyễn, viêm phế quản, ung thư, suy nhược thần kinh, tim mạch và làm giảm tuổi thọ của con người. Các nhóm người nhạy cảm nhất với sự ô nhiễm không khí là những người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ mang thai; mức độ ảnh hưởng đối với từng người tùy thuộc vào tình trạng sức khoẻ, nồng độ, loại chất ô nhiễm và thời gian tiếp xúc.

Tóm lại, môi trường không khí bị ô nhiễm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ con người, làm cho sức khoẻ bị suy giảm, thậm chí còn có khả năng gây tử vong nếu mức độ ô nhiễm cao.

- *Ảnh hưởng đến sự phát triển các ngành kinh tế - xã hội*

Môi trường không khí bị ô nhiễm sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới tất cả các ngành và lĩnh vực. Biến đổi khí hậu là một minh chứng cho hậu quả của việc tàn phá và hủy hoại của môi trường. Ô nhiễm môi trường gây ra những thiệt hại không nhỏ trong hoạt

động sản xuất nông nghiệp và khai thác, nuôi trồng thủy sản cũng như hoạt động phát triển du lịch. Những vấn đề này không chỉ gây ảnh hưởng tới đời sống của người nông dân mà còn gây ra những tổn thất lớn tới vấn đề phát triển kinh tế khu vực nông thôn.

3.2.3. Hiện trạng môi trường đất

Hải Minh là một xã thuần nông, nên diện tích đất tại xã chủ yếu dùng cho sản xuất nông nghiệp. Tổng diện tích đất nông nghiệp của xã là 324ha. Mặc khác trong những năm gần đây cũng với sự phát triển của khoa học, công nghệ sản xuất nông nghiệp ngày càng mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với những năm trước đây. Tuy nhiên điều này cũng đi đôi với việc môi trường sinh thái cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong đó có môi trường đất.

Nguồn phát sinh ô nhiễm môi trường đất:

- Theo kết quả điều tra thực tế thì 60% (30/50 phiếu) người dân không tiến hành thu gom vỏ bao bì sau khi sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu. Chính việc sử dụng nhiều phân bón hóa học và thuốc trừ sâu không đúng cách trong sản xuất nông nghiệp dẫn đến môi trường đất ngày càng bị suy thoái. Hóa chất bảo vệ thực vật là con dao hai lưỡi, nếu sử dụng không đúng cách thì rất độc hại, một trong số đó là ô nhiễm môi trường đất.

- Ô nhiễm môi trường đất do nước thải chiếm 40%(20/50 phiếu) ý kiến của người dân, nguyên nhân chủ yếu là từ hoạt động: sinh hoạt của người dân, nước thải từ hoạt động sản xuất, nông nghiệp, xây dựng công trình, dịch vụ đặc biệt là nước thải từ hoạt động chăn nuôi của người dân đều xả trực tiếp ra môi trường; qua thời gian các chất gây ô nhiễm sẽ ngấm xuống đất và tích lũy dần trong cây trồng, gây ô nhiễm môi trường đất và ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

- Dân số ngày càng gia tăng trong những năm trở lại đây đã là một sức ép đối với môi trường, đã góp phần giảm sức sản xuất của đất, làm đất bị suy thoái nghiêm trọng, giảm độ phì, độ mùn, nghèo chất dinh dưỡng và nhiều độc tố đối với cây trồng do người dân phải thâm canh tăng vụ/năm để đáp ứng nhu cầu về lương thực, thực phẩm.

- Các chất thải rắn phát sinh trên địa bàn xã ngày càng có xu hướng gia tăng thêm. Việc xử lý rác thải hiện nay trên địa bàn xã chủ yếu là chôn lấp, vẫn còn một số bãi rác lộ thiên hay tự chôn lấp của người dân trong xã gây ô nhiễm môi trường đất và nước.

Ngoài hoạt động sản xuất nông nghiệp đang góp phần vào làm ô nhiễm và suy thoái môi trường đất thì các hoạt động phi nông nghiệp khác cũng góp phần đáng kể vào việc ô nhiễm và suy thoái môi trường đất hiện nay của xã Hải Minh. Nếu không có những giải pháp về công nghệ và quản lý thì chất lượng môi trường đất của xã Hải Minh sẽ bị suy giảm đến mức báo động ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người dân sống trên địa bàn.

➤ ***Tác động của ô nhiễm môi trường đất***

- Ảnh hưởng tới sức khỏe con người

Theo kết quả điều tra của trạm y tế xã Hải Minh: đa số người dân mắc các bệnh ngoài da và hô hấp là chịu ảnh hưởng từ việc ô nhiễm môi trường đất. [15]. Chất ô nhiễm trong đất (đặc biệt là sự tích lũy kim loại nặng) trực tiếp hoặc gián tiếp (thông qua chuỗi thức ăn) có thể thâm nhập và cơ thể người hoặc động vật. Chúng có thể thâm nhập vào cơ thể qua miệng, qua đường hô hấp, qua da ...Chất độc thâm nhập vào cơ thể không lưu trú tại một bộ phận cố định mà có thể làm cho toàn bộ cơ thể bị nhiễm độc. Bên cạnh nhiễm độc cấp tính, nhiễm độc mãn tính thường phổ biến do khả năng tích lũy độc chất ngày càng gia tăng của các đối tượng trong chuỗi thức ăn. Tùy vào loại độc tính mà những biểu hiện nhiễm độc khác nhau, tuy nhiên biểu hiện thường được thấy là sự phát triển của các tế bào u ác tính (ung thư)

- Ảnh hưởng đến sự phát triển của các hoạt động kinh tế - xã hội

Hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng chịu nhiều tác động tiêu cực do ô nhiễm môi trường đất. Việc sử dụng không đúng cách hoặc quá nhiều các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật khiến cho cây trồng không hấp thụ hết gây nên tình trạng tồn dư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong đất, từ đó tích lũy vào nông sản, thực phẩm, gây ra tình trạng ngộ độc thực phẩm và những tác động lâu dài, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người. Hiện nay, hiện tượng đất nông nghiệp bị chai cứng do dư thừa phân bón hoá học trong đất ngày càng phổ biến dẫn đến năng suất cây trồng bị giảm sút. Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật gây nên tình trạng sản phẩm bị nhiễm độc, ảnh hưởng đến chất lượng và giá trị kinh tế của sản phẩm, từ đó thu nhập của người nông dân cũng bị giảm đáng kể.

- Ảnh hưởng đến cảnh quan và môi trường sinh thái

Môi trường ô nhiễm không những làm xấu đi hình ảnh của vùng nông thôn, mà còn để lại những hệ lụy lâu dài. Đặc tính của thuốc trừ sâu là tính bền trong môi

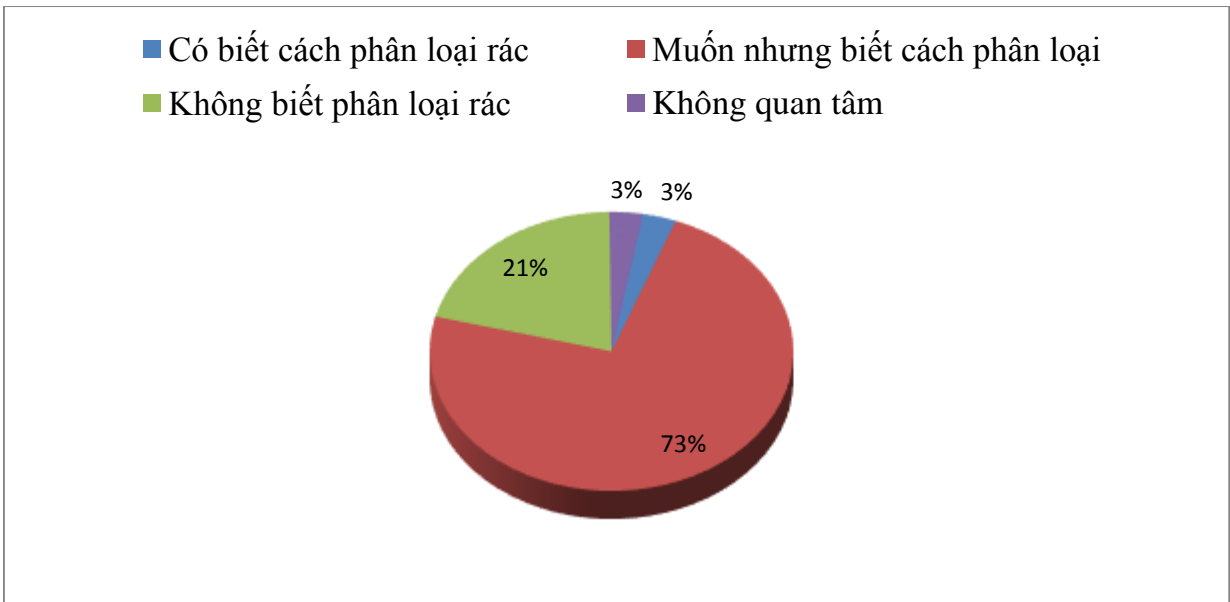
trường sinh thái và có khả năng làm đảo lộn hệ sinh thái nông nghiệp. Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng kỹ thuật và tràn lan đã để lại những hậu quả nặng nề về ô nhiễm nguồn nước, đất, không khí, gây độc cho con người và các loại động vật, làm mất cân bằng tự nhiên. Đây cũng chính là nguyên nhân làm hoang hoá tài nguyên đất, ô nhiễm nguồn nước ngầm. Các nhà khoa học cũng chỉ ra mối đe dọa giữa thuốc trừ sâu và hiện tượng biến đổi tế bào gen trên cây trồng và vật nuôi, đồng thời dự báo những thay đổi của chọn lọc tự nhiên, lan truyền bệnh tật, khả năng sinh sản của động vật hoang dã, từ đó gây nên hiệu ứng dây chuyền trên các quần thể, hệ sinh thái và chuỗi thức ăn.

3.2.4. Hiện trạng chất thải rắn

Nguồn phát sinh chất thải rắn chủ yếu là từ các hộ gia đình, tập thể, các hoạt động thương mại, các cơ quan, tổ chức...

Theo kết quả điều tra, 52% (26/50 phiếu) người dân không phân loại chất thải rắn tại nguồn mà được thu gom lẫn lộn rồi được đưa về bãi rác tập trung. Việc phân loại chất thải rắn rất khó khăn, do chưa có điều kiện đầu tư cơ sở vật chất và nhận thức của các hộ gia đình về tầm quan trọng của việc phân loại rác tại nguồn chưa cao.

Ý thức phân loại rác trước khi thải ra môi trường của người dân còn chưa cao, do hiểu biết và nhận thức của họ trong lĩnh vực này còn nhiều hạn chế và hầu như người dân chưa được tuyên truyền về tác dụng của việc phân loại rác trước khi thải ra môi trường. Khi được phỏng vấn về cách phân loại rác thải tại nguồn, tỷ lệ người biết cách phân loại rác là 3% (2/50 phiếu), 74% (36/50 phiếu) muốn phân loại nhưng không biết cách hay biết cách nhưng không muốn phân loại, 20% (10/50 phiếu) ý kiến đưa ra là không biết cách phân loại để đạt hiệu quả và 3% (2/50 phiếu) ý kiến là không quan tâm.



Hình 3.4: Nhận thức của người dân xã Hải Minh về phân loại rác tại nguồn

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra

Như vậy đa số người dân đều có ý thức phân loại rác, nhưng chưa biết cách phân loại dẫn đến việc rác chưa được phân loại đúng cách. Từ đó thấy được nhiệm vụ của các nhà quản lý là: cần tích cực tham gia tư vấn, tuyên truyền cho người dân để nâng cao nhận thức.

❖ **Chất thải rắn sinh hoạt**

Hiện nay, trên toàn địa bàn xã Hải Minh đã thành lập đội ngũ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và có một bãi chôn lấp hợp vệ sinh đã đi vào hoạt động từ năm 2010. Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh thực tế trên địa bàn xã là 4,5 tấn/ ngày, lượng rác thải đã được thu gom là 4,37 tấn/ ngày, tỉ lệ thu gom rác thải là 97%. Hệ số phát sinh rác thải là 0,36kg/người/ ngày.[16] Việc thu gom chất thải sinh hoạt đã từng bước đi vào nề nếp, các đội thu gom hoạt động mang lại hiệu quả thiết thực về môi trường, kinh phí cho hoạt động thu gom của các đội được thu từ sự đóng góp của các hộ dân.

Chất thải sinh hoạt là loại chất thải phát sinh trong quá trình sinh hoạt của con người. Do nhu cầu ngày càng tăng cao, tỷ lệ gia tăng dân số nhanh nên khối lượng chất thải rắn sinh hoạt ngày một lớn. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm chất thải vô cơ (như giấy, vỏ đồ hộp, vỏ trái, vỏ ôc, túi nylon khó phân hủy) và chất thải hữu cơ (như lá cây, thức ăn thừa...)

Theo kết quả điều tra, phỏng vấn trực tiếp người dân trên địa bàn xã về thành phần rác thải sinh hoạt, thu được kết quả sau đây:

Bảng 3.3 Thành phần rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Hải Minh

STT	Các thành phần cơ bản	Tỉ lệ %	Ghi chú
1	Các chất hữu cơ: rau quả, trái cây, thức ăn thừa...	58	
2	Giấy	3	
3	Nhựa nilon	5	
4	Gạch, đá, sỏi, bê tông, xỉ than	8	
5	Thủy tinh	1	
6	Kim loại, vỏ đồ hộp	2	
7	Các loại tạp chất khó phân loại khác	23	

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra

Mặc dù lượng nhựa, nilong chiếm tỷ lệ thấp nhưng đây chính là thành phần rác thải gây ô nhiễm môi trường rất lớn do thời gian phân hủy trong môi trường rất chậm và xuất hiện ở khắp mọi nơi trong môi trường như ao, hồ, sông, ven đường, gốc cây,... Một thực tế xảy ra là người dân thường đốt các loại túi nilong không sử dụng này đã gây nên một lượng khí độc thải ra gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của con người xung quanh.

Việc thải bỏ và xử lý rác không đúng cách, không hợp vệ sinh sẽ gây ô nhiễm môi trường, làm mất mỹ quan công cộng và tác hại xấu ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống con người, sinh vật và chất lượng môi trường.

Qua quá trình điều tra, phỏng vấn thực tế về thói quen xử lý rác thải của các hộ gia đình có 52% (26/50 phiếu) số hộ gia đình đổ rác tại nơi tập kết, 16% (8/50 phiếu) hộ gia đình thực hiện biện pháp chôn lấp các chất thải phát sinh, 28% (14/50 phiếu) số hộ gia đình vứt trực tiếp ra môi trường và 4% (2/50 phiếu) hộ gia đình đốt toàn bộ lượng rác.

❖ Chất thải nông nghiệp, chăn nuôi

Chất thải nông nghiệp thông thường là chất thải rắn phát sinh từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp như: trồng trọt (thực vật chết, tĩa cành, làm cỏ...), thu hoạch nông sản (rơm, rạ, trấu, cám, lõi ngô, thân ngô,...), bao bì đựng phân bón, vỏ thuốc bảo vệ thực vật.

Qua điều tra cho thấy ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường chưa cao nên việc lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật còn phổ biến. Tình trạng vứt rác, vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật không đúng nơi quy định vẫn còn xảy ra.

Do mặt bằng thu nhập của người dân trong xã mấy năm gần đây tăng cao, nên rơm, rạ không còn được dùng làm chất đốt chủ yếu nữa, cũng như số lượng hộ chăn nuôi trâu bò trong xã còn rất là ít. Chính vì vậy một phần lớn lượng rơm, rạ bị dư thừa không sử dụng đến. Một số hộ gia đình đã tận dụng số rơm, rạ dư thừa này để trồng nấm, tăng thêm thu nhập.

Chất thải chăn nuôi tác động đến môi trường và sức khỏe con người trên nhiều khía cạnh: gây ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm, ô nhiễm môi trường không khí, đất và các sản phẩm nông nghiệp khác. Đây là nguyên nhân chính gây ra các bệnh về hô hấp, tiêu hóa do chất thải chăn nuôi chứa nhiều vi sinh vật gây bệnh, trứng, giun, sán,...

Theo kết quả điều tra, phỏng vấn 80% (40/50 phiếu) các hộ chăn nuôi có quy mô lớn trong xã đều có hầm biogas. Bên cạnh đó vẫn còn một số hộ chăn nuôi có quy mô lớn không sử dụng hầm biogas mà thải trực tiếp nước thải chăn nuôi ra môi trường gây lên mùi hôi thối, khó chịu. Đây cũng chính là một nguyên nhân làm ô nhiễm hiện trạng môi trường nước mặt tại địa phương.

❖ *Chất thải xây dựng*

Do việc xây dựng các công trình phúc lợi, đường xá theo đề án xây dựng nông thôn mới ngày càng gia tăng. Các công trình xây dựng này phát sinh rất nhiều các loại chất thải, trong đó lớn nhất là chất thải rắn. Bên cạnh đó, quá trình xây dựng nhà cửa, chuồng trại của người dân cũng làm gia tăng lượng chất thải xây dựng trên địa bàn xã. Thành phần chất thải ngày càng đa dạng và nhiều loại chất thải mới. Hầu hết lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh đều không được thu gom và xử lý. Đa số, người dân cho rằng chất thải như gạch vỡ, cát, sỏi, vôi, xi măng, thủy tinh, gỗ... không ảnh hưởng đến môi trường nên không cần tiến hành thu gom và xử lý. Một số hộ gia đình cũng đã tận dụng lượng gạch vỡ, cát sỏi để tái sử dụng trong một số công trình xây dựng như xây chuồng trại chăn nuôi,... Mặc dù khối lượng chất thải xây dựng là một vấn đề lớn đối với môi trường, tuy nhiên hiện nay vấn đề về xử lý chất thải còn khá hạn chế.

❖ *Chất thải y tế, dịch vụ*

Chất thải y tế là một trong các loại chất thải độc hại cần phải xử lý hợp vệ sinh theo đúng quy trình công nghệ. Chất thải rắn y tế chủ yếu phát sinh từ trạm y tế xã. Các hiệu thuốc hay các phòng mạch tư nhân trên địa bàn phát sinh một lượng không đáng kể chủ yếu là bao bì, bìa carton, vỏ thuốc. Chất thải y tế chủ yếu là máu, dịch, chất bài tiết, bơm kim tiêm, các vật sắc nhọn, dược phẩm, hóa chất, các đồng vị phóng xạ dùng trong y tế, bông y tế đã qua sử dụng.

3.3. Công tác quản lý, bảo vệ môi trường và các giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

3.3.1. Căn cứ pháp lý về quản lý môi trường tại địa phương.

Hàng năm, căn cứ vào các công văn, kế hoạch, chỉ thị, hướng dẫn của UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định, UBND xã Hải Minh đã ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong xã thực hiện theo đúng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên về bảo vệ môi trường.

Cụ thể, để thực hiện tốt công tác BVMT trên địa bàn xã trong năm 2016, UBND xã đã ban hành các văn bản để chỉ đạo, triển khai thực hiện như:

- Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 22/1/2016 của UBND xã về thành lập tổ kiểm tra công tác quản lý bảo vệ môi trường trên địa bàn xã Hải Minh;

- Kế hoạch 09/KH-UBND ngày 15/1/2016 vận động toàn thể nhân dân tham gia công tác bảo vệ môi trường;

- Công văn số 166/UBND-VP ngày 18/2/2016 của UBND xã về việc tiếp tục thực hiện phong trào dọn vệ sinh môi trường;

- Công văn số 300/UBND-TNMT ngày 16/3/2016 của UBND xã về việc tổ chức các hoạt động kỉ niệm ngày Nước thế giới, ngày Khí tượng thế giới và Giờ trái đất năm 2016;

- Công văn số 505/UBND-TNMT ngày 21/4/2016 của UBND xã về triển khai các hoạt động hưởng ứng tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường năm 2016;

- Công văn số 616/UBND-TNMT của UBND xã ngày 13/5/2016 về việc tổng hợp báo cáo đăng ký khối lượng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh hàng tháng trên địa bàn các xã, phường;

- Công văn số 782/UBND-TNMT ngày 08/6/2016 của UBND xã về việc đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường trong thu hoạch lúa vụ xuân hè năm 2016;

- Công văn số 06/CĐK ngày 12/4/2016 của Công đoàn khối CQCQ về việc tiếp tục hưởng ứng và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 15/1/2016 của UBND xã.

Trong việc thực thi các văn bản pháp luật về BVMT, xã Hải Minh đã triển khai, tổ chức thực hiện Luật bảo vệ môi trường 2014; Luật Tài nguyên nước 2012; Các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương (Nghị quyết số 41 – NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước của tỉnh Nam Định đến năm 2010, định hướng đến năm 2015; Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 21/1/2009 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW ; Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 7/9/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nam Định về việc Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 33/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về những chủ trương, giải pháp tăng cường công tác quản lý bảo vệ môi trường tỉnh Nam Định trong giai đoạn 2011 – 2015; Nghị quyết số 117/2015/NQ-HĐND ngày 29/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chủ trương, giải pháp tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường Nam Định đến năm 2020 và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường.

UBND xã Hải Minh tổ chức thực hiện các kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm, các kế hoạch hưởng ứng các ngày lễ môi trường phù hợp với điều kiện địa phương. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn toàn xã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường. Tuyên truyền sâu, rộng về Luật Bảo vệ môi trường, bảo vệ các tài nguyên thiên nhiên,...nhằm nâng cao nhận thức, ý thức về công tác bảo vệ môi trường tới các tầng lớp cán bộ, nhân dân.

Như vậy, công tác lãnh đạo, chỉ đạo về quản lý môi trường tại xã Hải Minh đã kịp thời giải quyết các vấn đề cấp thiết ở địa phương như: công tác quản lý chất thải phát sinh, công tác truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng trong lĩnh vực BVMT, xã hội hóa công tác BVMT, triển khai thực hiện chỉ đạo của cấp trên, đảm bảo vệ sinh môi trường. Đặc biệt là việc lãnh đạo, chỉ đạo, đảm bảo thực thi các văn bản pháp luật về môi trường được lồng ghép vào các chiến dịch hưởng ứng ngày lễ về môi trường đã mang lại hiệu quả đáng kể trong công tác quản lý Nhà nước về môi trường trên địa bàn xã Hải Minh.

Tuy nhiên, Số lượng văn bản lãnh đạo, chỉ đạo chưa đầy đủ, toàn diện để quản lý tất cả các thành phần môi trường trên địa bàn như: môi trường đất, nước, không khí và các nguồn tài nguyên thiên nhiên như: tài nguyên rừng, khoáng sản, thủy sản, bảo tồn các loài động vật hoang dã,...; Thiếu các chính sách khuyến khích các dịch vụ BVMT, tái chế, tái sử dụng chất thải,...; Các hương ước, quy chế về BVMT của cộng đồng chưa được ban hành; Thiếu các văn bản, chính sách lồng ghép chương trình xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương với bảo vệ môi trường

❖ **Những thành tích đã đạt được:**

- Xã Hải Minh đã tổ chức tổng vệ sinh, thu gom phế thải, rác thải, chất thải rắn thường xuyên. Xã đã thành lập được các đội thu gom rác thải, chất thải rắn. Không chỉ vậy xã còn tổ chức nạo vét các hệ thống cống rãnh nhằm giải quyết tình trạng nước cống ứ đọng, không tiêu thoát.

- Xã còn thực hiện chủ trương phát động toàn dân thường xuyên giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng và khu vực gia đình. Nhiều khu vực trên địa bàn xã đã có nhiều hình thức để bảo vệ môi trường chung như: vệ sinh công cộng nơi những đoạn đường mình đi lại, tạo hố chôn lấp rác thải sinh hoạt hữu cơ cho một khu dân cư để giảm lượng rác thải cần thu gom cũng như việc tăng độ mùn cho đất.

- Hàng năm tiến hành họp các xóm ,đội trên toàn xã cam kết về việc giữ gìn vệ sinh, không gây tiếng ồn quá giờ quy định, không để xe bừa bãi, cản trở giao thông,...

❖ ***Những khó khăn thử thách trong công tác quản lý, bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh***

- Những khó khăn và hạn chế

Mặc dù đã có những đầu tư nhất định nhưng công tác quản lý môi trường tại xã vẫn còn gặp nhiều khó khăn và chưa thực sự đạt hiệu quả, chưa nhận được sự coi trọng đúng mức trong các chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của xã Hải Minh.

Năng lực quản lý môi trường của các cán bộ chuyên trách về môi trường còn yếu do chưa có các khóa đào tạo, tập huấn thường xuyên và chưa đáp ứng được nhu cầu được giao.

Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động bảo vệ môi trường còn hạn chế.

Sự tham gia của người dân trong các quá trình xây dựng chính sách và ra quyết định nhiều khi còn bị thờ ơ, không quan tâm.

Hoạt động tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho người dân chưa thực sự đạt hiệu quả, chưa có những nỗ lực cụ thể nhằm nâng cao vai trò của người dân trong việc đánh giá, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án phát triển kinh tế - xã hội

Chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường dài hạn ở địa phương vẫn chưa được quan tâm đúng mức.

- Những thách thức đặt ra cho công tác quản lý và bảo vệ môi trường của xã Hải Minh hiện tại và trong những năm tiếp theo:

Tình trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị bảo vệ môi trường còn thấp kém, lạc hậu,... ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng, trong khi đó khả năng đầu tư vào môi trường của chính quyền địa phương, các hộ dân là có hạn

Tình trạng gia tăng dân số cũng là vấn đề thách thức không hề nhỏ đối với công tác quản lý môi trường đất và bảo vệ môi trường của xã Hải Minh.

Tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý môi trường hiện nay hầu như còn thiếu kinh nghiệm như còn thiếu xót kinh nghiệm cũng như trình độ trong công tác quản lý. Chủ yếu những người làm về môi trường của xã hiện nay là do cán bộ địa chính đảm nhiệm.

Việc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường chủ yếu theo các văn bản pháp luật của trung ương, việc cụ thể hóa các văn bản pháp luật đó áp dụng cho địa phương còn nhiều hạn chế bởi chưa xây dựng được các văn bản phù hợp với địa bàn từng vùng cụ thể và phù hợp với ngân sách của xã.

Nhận thức về môi trường và phát triển bền vững chưa đầy đủ, ý thức bảo vệ môi trường của mỗi người dân còn thấp kém.

3.3.2. Các giải pháp, biện pháp nhằm nâng cao việc quản lý môi trường tại xã Hải Minh

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về “*Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”; các Chỉ thị, kế hoạch của Tỉnh ủy về “*Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định*” nhằm nâng cao nhận thức về tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác BVMT của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân. Triển khai thực hiện tốt Luật BVMT và các quy định khác có liên quan đến công tác BVMT; thực hiện Quy hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh, của xã.

Tăng cường rà soát, ban hành đầy đủ, toàn diện các văn bản cụ thể hóa các quy định pháp luật, các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh về BVMT. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo để giải quyết các vấn đề nổi cộm trên địa bàn huyện Hải Hậu như: triển khai quy hoạch xây dựng nhà máy xử lý rác thải hợp vệ sinh;

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức BVMT cho cán bộ làm công tác môi trường. Xây dựng, ban hành các chính sách khuyến khích, chế độ khen thưởng, đãi ngộ với các cá nhân có trình độ cao, có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý môi trường trên địa xã. Định kỳ, thường xuyên tổ chức các buổi họp để trao đổi kinh nghiệm, phổ biến các văn bản pháp luật về môi trường mới nhất, lắng nghe những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong hoạt động quản lý môi trường tại các xóm để từ đó có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp quản lý môi trường..

Tuyên truyền giáo dục để nâng cao nhận thức và sự hiểu biết của người dân; phát triển phong trào quần chúng tham gia BVMT và khuyến khích sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường; xây dựng mô hình BVMT lồng ghép mô hình kinh tế - xã hội; huy động cộng đồng đóng góp nguồn lực.

Tại các khu dân cư, khuyến khích phân loại rác tại nguồn theo mô hình tái chế, tái sử dụng, giảm thiểu chất thải (3R); tham gia vào công tác vệ sinh đường phố; xây dựng đoạn đường phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh,...tự quản; thành lập đội vệ sinh tự quản cho từng khu phố đảm trách các công việc kiểm tra, giám sát các hoạt động vi phạm môi trường, vận động người dân tham gia chương trình BVMT, thu gom chất thải trong ngõ,... thu gom, xử lý nước thải; tham gia đánh giá tác động môi trường tại khu vực mình sinh sống,...

Tăng cường sự tham gia của cộng đồng dân cư trong công tác BVMT thông qua hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội như: Hội phụ nữ, Hội nông dân, Mặt trận tổ quốc, Đoàn thanh niên,...với việc đẩy mạnh phát triển các phong trào như: khu dân cư tự quản về BVMT, “5 không – 3 sạch”, làng sinh thái,...

3.4. Xây dựng hương ước quy ước và bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

3.4.1. Các bước xây dựng hương ước về bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Các bước xây dựng hương ước BVMT tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định được triển khai cụ thể như sau:

Bước 1: Xây dựng phiếu

Để tìm hiểu và đánh giá hiện trạng môi trường tại xã Hải Minh, tôi đã tiến hành điều tra khảo sát tại địa phương. Trong đó tôi đặc biệt quan tâm đến hiện trạng rác thải, công tác thu gom rác thải.

Bước 2: Tiến hành điều tra

+ Đối với hộ gia đình, cá nhân sinh sống tại xã Hải Minh: tiến hành điều tra 50 phiếu tại 5 xóm : xóm 5, xóm 4a, xóm 4b, xóm 2a, xóm 2b. Mỗi thôn đại diện 10 phiếu điều tra. Danh sách người dân tham gia trả lời phiếu điều tra chi tiết tại phụ lục 2 . Nội dung phiếu điều tra tập trung khai thác thông tin về hiện trạng môi trường qua đánh giá của người dân, sự quan tâm của người dân đối với bảo vệ môi trường, hiện trạng công tác tại địa phương.

+ Đối với nhà quản lý tại xã Hải Minh: tiến hành điều tra 20 phiếu cho các đối tượng quản lý thuộc cơ quan, phòng ban thuộc UBND xã Hải Minh. Danh sách cán bộ tham gia trả lời phiếu điều tra chi tiết ở phụ lục 10. Nội dung phiếu điều tra tập trung khai thác thông tin về hiện trạng môi trường qua đánh giá của nhà quản lý, đồng thời tìm hiểu về công tác quản lý tại địa phương

Sau khi hoàn thành xong việc điều tra và đánh giá được về hiện trạng môi trường và công tác quản lý bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh, tôi đã trao đổi và thảo luận cùng với lãnh đạo UBND xã Hải Minh. Từ đó lập ra bản dự thảo hương ước về bảo vệ môi trường lần thứ nhất.

Bước 3: Xây dựng bản dự thảo hương ước BVMT

Từ kết quả của phiếu điều tra và quá trình khảo sát thực tế, cùng với sự giúp đỡ của nhóm soạn thảo hương ước là các cán bộ trong xã, tôi đã tổng hợp và xử lý số liệu và xây dựng nên bản hương ước bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh trên tiêu chí phát huy những ưu điểm trong việc bảo vệ môi trường của người dân và khắc phục những hạn chế còn tồn tại bằng cách đưa ra những điều luật nhằm đưa việc bảo vệ môi trường vào nếp sống sinh hoạt hằng ngày của cộng đồng dân cư.

Bản dự thảo có nội dung là các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường xã, các quy định khen thưởng, xử phạt dành cho cán bộ, người dân và các doanh nghiệp trên địa bàn.

Bước 4: Tham vấn cộng đồng

Để đưa ra một bản hương ước hoàn chỉnh có sự đóng góp của người dân, Đề tài đã tiến hành một cuộc họp cộng đồng.

Cuộc họp được diễn ra nhằm lấy ý kiến của các cấp quản lý, của người dân địa phương, những người trực tiếp thực hiện hương ước.

- Thời gian: Cuộc họp diễn ra lúc 8h30, ngày 20 tháng 04 năm 2017

- Địa điểm: UBND xã Hải Minh

- Trong cuộc họp có sự tham gia và chứng kiến của rất nhiều cán bộ cũng như người dân trong xã, rất nhiều ý kiến đã được đưa ra để chỉnh sửa bản dự thảo hương ước cho phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng nguyện vọng, mong muốn của người dân. Các ý kiến được đóng góp bởi rất nhiều thành phần cộng đồng như hội phụ nữ, đoàn thanh niên, và đặc biệt là các ý kiến từ các thành viên của Tổ thu gom rác. Điều này đã giúp đỡ rất nhiều cho việc xây dựng bản hương ước hoàn chỉnh.

(Chi tiết các ý kiến góp ý được ghi trong biên bản cuộc họp ở phần Phụ lục).

Bước 5: Hoàn thiện bản hương ước BVMT

Từ bản dự thảo hương ước BVMT và ý kiến đóng góp của người dân tôi đã hoàn thiện bản hương ước BVMT tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Được đính kèm trong phần phụ lục 4 của đề án

Bước 6: Bàn giao bản hương ước BVMT

Được đính kèm trong phụ lục 5 của đề án

Bước 7: Lễ ký thực hiện hương ước BVMT

Bước 8: Giám sát thực hiện

Do thời gian thực hiện đề án có hạn nên đề án chỉ có thể thực hiện đến bước 6 trong quy trình xây dựng bản hương ước.

3.4.2. Bản hương ước quy ước và bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Bảo vệ môi trường là quyền lợi và nghĩa vụ của tất cả mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sinh sống và hoạt động trên địa bàn xã. Việc xây dựng hương ước về bảo vệ môi trường có sự tham gia của cộng đồng dân cư và các nhà quản lý trong việc phân tích và đánh giá hiện trạng môi trường tại địa phương; xác định những hành động và quy định nhằm cải thiện và bảo vệ môi trường. Hương ước bảo vệ môi trường giúp nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân, đồng thời tạo sự nề nếp, gắn kết trong

công tác bảo vệ môi trường tại địa phương, làm cho môi trường ở địa phương ngày càng Xanh- Sạch- Đẹp, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cả cộng đồng.

Bản Hương ước về bảo vệ môi trường được xây dựng hợp pháp theo luật pháp Việt Nam và có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Với sự ủng hộ và đóng góp ý kiến, thống nhất của hơn 90% người dân và các nhà quản lý tại địa phương, bản hương ước về bảo vệ môi trường được đề xuất ra gồm các điều khoản sau đây:

HƯƠNG ƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TẠI XÃ HẢI MINH, HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH
CHƯƠNG 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Bảo vệ môi trường là quyền lợi và nghĩa vụ của tất cả mọi người dân trong xã; toàn thể nhân dân trong xã phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường của địa phương trong công tác bảo vệ môi trường. Công tác bảo vệ môi trường phải được thực hiện một cách tự giác và phải được duy trì thường xuyên.

Điều 2. Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn xã đều phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và chấp hành các quy định của Hương ước bảo vệ môi trường của xã.

CHƯƠNG 2: CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 3. Các quy định về vệ sinh quanh khu vực sinh sống

1. Mọi người dân đều phải có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường khu vực xung quanh nhà mình và nơi công cộng; không đổ rác bừa bãi ra đường.
2. Mỗi hộ gia đình cần xây dựng và lắp đặt một hệ thống thoát nước riêng, không được đổ nước thải sinh hoạt gia đình và nước thải sản xuất ra ao hồ sông suối gây ô nhiễm môi trường nước.
3. Đối với những hộ gia đình có hoạt động chăn nuôi thì không được để gia súc gia cầm vệ sinh bừa bãi trong xóm làng, tránh gây ô nhiễm và mất vệ sinh công cộng .
4. Định kỳ vệ sinh khơi thông cống rãnh, tránh tình trạng ứ đọng, chảy tràn gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

Điều 4. Quy định về quản lý chất thải

1. Khuyến khích người dân hạn chế sử dụng túi nilon mà thay bằng các loại túi giấy thân thiện với môi trường hoặc vật dụng khác như làn, giỏ

2. Rác thải hàng ngày phải được phân loại và cho vào túi rác, thùng rác có nắp đậy để được thu gom và xử lý đúng cách.
3. Các cơ sở sản xuất kinh doanh phải thực hiện tốt công tác phân loại chất thải rắn theo quy định.
4. Tại các khu chợ kinh doanh cần được quét dọn sạch sẽ sau mỗi buổi, thu gom rác thải tập trung vào một chỗ để được đem xử lý.
5. Tổ chức các buổi dọn rác tập thể tại các kênh mương, ao hồ, sông suối trên địa bàn vào ngày chủ nhật hàng tuần. Hoạt động này sẽ do Hội phụ nữ và Tổ thu gom và xử lý rác thải của xã phụ trách.

Điều 5. Quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón cho cây trồng.

1. Không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật quá hạn sử dụng. Phân loại các loại hóa chất bảo vệ thực vật trước khi sử dụng, sử dụng đúng loại phân bón tăng trưởng cây trồng, không lạm dụng các loại phân bón bừa bãi gây ảnh hưởng đến môi trường đặc biệt là môi trường đất
2. Không sử dụng phân tươi tưới rau, cây trồng. Các loại phân chuồng phải được ủ hoai mục rồi mới đem sử dụng cho cây trồng.

Điều 6. Quy định về bảo vệ môi trường không khí

1. Vào mùa thu hoạch lúa, không được đốt các loại rơm rạ, nên sử dụng làm phân bón hữu cơ.
2. Thực hiện các biện pháp che chắn hay hạn chế tiếng ồn, độ rung khi xây dựng các công trình hạ tầng. Khi bốc xếp, vận chuyển nguyên, vật liệu tránh để tình trạng rơi, vãi; các phế phẩm trong hoạt động xây dựng không được đổ bừa bãi gây ô nhiễm môi trường và làm mất mỹ quan thôn, xóm.
3. Tích cực trồng thêm cây xanh quanh nhà và ven các tuyến đường lớn để giảm lượng bụi do hoạt động giao thông gây ra.

CHƯƠNG 3: KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 7. Khen thưởng:

Việc thực hiện tốt các quy định của hương ước là một trong những tiêu chí để được xét công nhận gia đình an toàn về an ninh trật tự và gia đình văn hóa. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành gương mẫu các quy định trong hương ước bảo vệ môi trường, phát hiện sớm và báo cáo kịp thời các dấu hiệu vi phạm hương ước và các quy định khác về bảo vệ môi trường thì được biểu dương và khen thưởng.

Điều 8. Xử lý vi phạm:

1. Vi phạm 1 lần nhắc nhở tại chỗ và yêu cầu có biện pháp xử lý ô nhiễm.
2. Vi phạm lần 2 buộc lao động công ích 5 ngày nhằm khắc phục lỗi vi phạm và phải có biện pháp xử lý chất gây ô nhiễm.
3. Vi phạm lần 3 trở lên sẽ bị nêu tên trong cuộc họp của hàng tháng của thôn, xóm và buộc nộp phạt từ 100.000 -200.000 đồng.

CHƯƠNG 4: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Hương ước bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành kể từ ngày phê duyệt.
2. Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc hoặc chưa phù hợp với điều kiện thực tế của thôn, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đề nghị trưởng phố, trưởng thôn phản ánh kịp thời với UBND xã để nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung. Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung phải được thảo luận và có sự thống nhất của cộng đồng dân cư.

Điều 10. Hướng dẫn thi hành

1. Trưởng phố, trưởng thôn có trách nhiệm niêm yết, tuyên truyền, phổ biến đến từng thành viên trong cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện hương ước.
2. Bản hương ước này được toàn thể đại diện của các hộ dân trong phường bàn bạc, thảo luận, góp ý và thông nhất thông qua cấp huyện, UBND xã và các đoàn thể
3. Tất cả mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sinh sống và hoạt động trên địa bàn xã phải chấp hành nghiêm túc các điều khoản quy định trong bản hương ước này.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Qua quá trình thực hiện đồ án tốt nghiệp “*Xây dựng hương ước bảo vệ môi trường với sự tham gia của cộng đồng tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định*” với việc tìm hiểu hiện trạng môi trường, công tác quản lý môi trường và xây dựng bản hương ước bảo vệ môi trường xã Hải Minh tôi nhận thấy:

- Về hiện trạng môi trường:

+*Môi trường không khí*: xã Hải Minh có chất lượng không khí tương đối tốt, chỉ có tiếng ồn tại một số khu vực, các trục đường giao thông là vượt quá GHCP, ngoài ra dọc tuyến đường lớn các chỉ tiêu ô nhiễm bụi và tiếng ồn ở mức nhẹ.

+*Môi trường nước*: Toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải của các cơ sở sản xuất, đều chưa được xử lý, tự do thải ra môi trường.

+*Chất thải rắn*: Mặc dù đã có những chuyển biến tích cực trong công tác thu gom, vận chuyển nhưng CTRSH của xã vẫn chưa được phân loại tại nguồn; trên địa bàn xã chưa xây dựng được nhà máy xử lý rác thải hợp vệ sinh nên công tác xử lý chất thải đang gặp nhiều khó khăn.

- Về công tác quản lý, bảo vệ môi trường:

+ Nhìn chung công tác BVMT trên địa bàn xã Hải Minh đã có những chuyển biến tích cực, được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, các ngành, điều đó đã không ngừng nâng cao nhận thức, ý thức về công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về BVMT đạt được những kết quả tốt, các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư ngày càng tham gia tích cực hơn trong công tác BVMT, tạo cơ sở tốt để thực hiện xã hội hóa trong BVMT. Công tác thu gom vận chuyển rác thải đạt hiệu quả cao, được tăng cường cả về nhân lực và vật lực.

+ Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý môi trường trên địa bàn còn tồn tại nhiều hạn chế: Đội ngũ cán bộ làm công tác QLNN về môi trường còn chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, còn thiếu về số lượng và chất lượng, nhất là các cán bộ cấp xã, phường. Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo còn chưa đầy đủ, toàn diện;. Kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động, sự nghiệp BVMT còn ít, nhận thức về công tác BVMT tại một số phường, xã còn hạn chế.

+ Việc xây dựng bản hương ước về bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh là một trong những giải pháp hiệu quả cho công tác quản lý bảo vệ môi trường gắn với cộng đồng. Trong quá trình điều tra khảo sát và sự tham gia góp ý của người dân đề tài đã đưa được bản Hương ước bảo vệ môi trường cho xã Hải Minh. Bản hương ước bao gồm 10 điều với các nội dung phù hợp với thực tế hiện trạng môi trường tại xã Hải Minh góp phần nâng cao ý thức và trách nhiệm của người dân về bảo vệ môi trường và Hương ước bảo vệ môi trường đã được bàn giao cho UBND xã Hải Minh

2. KIẾN NGHỊ

Để cho môi trường của xã trong lành và giảm ô nhiễm môi trường thì cần tăng cường các hoạt động bảo vệ môi trường, những giải pháp và hành động tích cực nhằm giảm thiểu tối đa các các động xấu tới môi trường cụ thể như:

- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc tổ chức thu gom quét dọn hàng ngày. Vận chuyển thùng rác ngay sau khi đã đổ đầy
- Chọn vị trí thuận lợi để thùng rác không gây ảnh hưởng đến đời sống của người dân, cũng như trong quá trình vận chuyển rác.
- Phải có quy hoạch và xây dựng một bãi rác riêng tại huyện để thuận lợi trong việc vận chuyển, quản lý thu gom rác, việc giữ gìn môi trường tốt hơn.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao hiểu biết của nhân dân về ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường sống, môi trường xung quanh. Thông qua các phương tiện thông tin như loa đài, áp phích, họp khu phố, tổ chức chính trị xã hội ...
- Phải dựa trên cơ sở thuế tiền phạt hoặc các phương thức thích hợp khác. Phải quy trách nhiệm đền bù những mất mát không những về kinh tế, tổn hại sinh thái do những người sử dụng tài nguyên gây ra.
- Thông qua các tổ chức, đoàn thể xã hội, tạo điều kiện cho dân tham gia vào các thủ tục quản lý đóng góp vào việc xây dựng và thi hành pháp luật tìm ra biện pháp cứu chữa những tổn hại đến môi trường
- Cần xây dựng đồng bộ các tiêu chuẩn vệ sinh, tiêu chuẩn chất lượng nguồn nước, chất lượng không khí đối với các nguồn gây ô nhiễm nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Tài nguyên và Môi trường, (2005 – 2006), “*Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2010 định hướng 2020*”.
- [2] Bộ chính trị, (2004), *Nghị quyết 41/NQ – TW Nghị quyết của Bộ chính trị số 41 ngày 15 tháng 11 năm 2004 về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước*.
- [3] Bộ chính trị, (2004), *Chỉ thị số 29/CT – TW Chỉ thị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nghị quyết 41 của Bộ chính trị*.
- [4] Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa Thông tin, Ban thường trực Ủy Ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, (2000), *Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT?BTP-BVHTBTUWTWMTQVN hướng dẫn về việc xây dựng và thực hiện hương ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư*
- [5] Chính phủ, (2009), *Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới*.
- [6] Chính phủ, (2010), *Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 phê duyệt chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới 2010-2020*
- [7] Nguyễn Xuân Nguyên (2004), *Công nghệ xử lý rác thải và rác thải rắn*, Nxb Khoa học kỹ thuật Hà Nội.
- [8] *Luật bảo vệ môi trường 2014 số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 06 năm 2014*
- [9] Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hải Hậu, (2016), *Báo cáo công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện Hải Hậu năm 2016*
- [10] Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định (2016), *Báo cáo đánh giá hiện trạng môi trường tỉnh Nam Định 2016*
- [11] Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định (2016), *Báo cáo kết quả công tác quản lý và biện pháp giảm thiểu chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Nam Định năm 2016*
- [12] Trạm khí tượng và thủy văn Văn Lý, *Thống kê các điều kiện khí tượng của huyện Hải Hậu từ năm 1973 – 2013*
- [13] Tài liệu tập huấn *Xây dựng hương ước bảo vệ môi trường với sự tham gia của cộng đồng tại Huyện Quang Bình tỉnh Hà Giang*
- [14] Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu (2016), *Niên giám thống kê huyện Hải Hậu*

[15] Ủy ban nhân dân xã Hải Minh (2016), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội – an ninh quốc phòng năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017*

[16] UBND xã Hải Minh, (2016), “*Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động vệ sinh môi trường năm 2016*”.

[17] Báo cáo “*Tình hình xây dựng, thực hiện hương ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư giai đoạn 1998 – 2015 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2016 – 2020*”

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Phiếu điều tra hiện trạng môi trường xã Hải Minh dành cho cộng đồng dân cư.

Phụ lục 2: Phiếu điều tra hiện trạng môi trường và công tác quản lý môi trường tại xã Hải Minh dành cho nhà quản lý.

Phụ lục 3: Biên bản cuộc họp tham vấn cộng đồng về việc xây dựng hương ước về bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Phụ lục 4: Bản Hương ước về bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Phụ lục 5: Biên bản bàn giao bản Hương ước về bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Phụ lục 6: Bản Dự thảo hương ước về bảo vệ môi trường tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Phụ lục 7: Bảng tổng hợp kết quả phỏng vấn nhà quản lý

Phụ lục 8: Bảng tổng hợp kết quả phỏng vấn người dân

Phụ lục 9: Bảng tổng hợp danh sách người dân tham gia phỏng vấn

Phụ lục 10: Bảng tổng hợp danh sách nhà quản lý tham gia phỏng vấn

Phụ lục 11: Một số hình ảnh trong quá trình làm đồ án

PHỤ LỤC 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI
NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Minh ngày...tháng...năm 20...

PHIẾU ĐIỀU TRA VỀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG XÃ HẢI MINH

(Dành cho Cộng đồng dân cư)

Phiếu điều tra này được thực hiện nhằm mục đích thu thập thông tin về quan điểm, sự hiểu biết của người dân xã Hải Minh về môi trường cũng như mức độ quan tâm về các hoạt động bảo vệ môi trường, các định hướng, chính sách quản lý và bảo vệ môi trường tại địa phương.

Ông, bà, hãy khoanh tròn vào đáp án mà ông/bà lựa chọn

I. Nội dung

1. Ông /bà đã sinh sống tại địa phương bao nhiêu năm?

- A. Dưới 10 năm B. 11-20 năm C. 21 – 30 năm. D. Trên 30 năm

2. Hiện nay gia đình ông/ bà sử dụng nguồn nước nào là chủ yếu?

- A. Nước giếng khoan C. Nước mưa
B. Nước máy D. Nguồn nước khác

3. Lượng nước mà gia đình ông/ bà sử dụng hàng ngày:

- A. < 100 lít/ ngày B. >100 lít/ ngày C. > 200 lít/ ngày

4. Nhận xét của ông bà về nguồn nước đang sử dụng hiện nay?

- A. Không ô nhiễm C. Ý kiến khác
B. Ô nhiễm

5. Nguồn nước thải của gia đình ông/ bà là do đâu?

- A. Do hoạt động sản xuất
B. Do hoạt động kinh doanh dịch vụ
C. Do hoạt động sinh hoạt hàng ngày
D. Khác

6. Gia đình ông bà xử lý nước thải như thế nào?

- A. Xử lý bằng bể tự hoại C. Xử lý bằng hệ thống công cộng.

B. Thải trực tiếp ra kênh mương gần nhà. D. Xử lý bằng cách khác.

7. Theo ông/ bà môi trường không khí tại địa phương hiện nay như thế nào?

A. Ô nhiễm C. Không quan tâm

B. Không ô nhiễm

8. Nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường không khí tại địa phương theo ông/bà là do đâu?

1. Do hoạt động giao thông
2. Do hoạt động xây dựng
3. Do hoạt động công nghiệp
4. Ý kiến khác

9. Ô nhiễm không khí có ảnh hưởng đến gia đình ông/bà không?

A. Có B. Không

10. Chất thải rắn được thải ra chủ yếu từ hoạt động nào của gia đình ông/bà?

- A. Sinh hoạt.
- B. Làng nghề.
- C. Nông nghiệp
- D. Hoạt động khác

11. Thành phần rác thải sinh hoạt chủ yếu của gia đình ông/bà là gì ?

- A. Các chất hữu cơ: rau quả, trái cây, thức ăn thừa...
- B. Giấy nhựa, nylon
- C. Gạch, đá, sỏi bê tông, xỉ than
- D. Thủy tinh và các loại vỏ đồ hộp
- E. Ý kiến khác

12. Tại địa phương có thành lập đội thu gom rác thải, chất thải rắn sinh hoạt không?

A. Có B. Không

13. Ông/bà cho biết hiện nay công tác thu gom rác thải, chất thải sinh hoạt tại địa phương như thế nào?

- A. Công tác thu gom được tổ chức thường xuyên và giờ giấc hợp lý
- B. Công tác thu gom được tổ chức thường xuyên nhưng vẫn còn hạn chế
- C. Ý kiến khác

14. Tần suất thu gom rác thải, chất thải sinh hoạt trên địa bàn như thế nào?

A. 1 ngày/ lần

C. 1 tuần/ lần

B. 2 ngày/ lần

D. Thỉnh thoảng

15. Gia đình ông/bà có phải trả lệ phí thu gom rác thải không? Nếu có thì mức lệ phí phải trả là bao nhiêu?

A. Có

B. Không

16.Theo ông/bà việc thu gom rác thải, chất thải sinh hoạt như hiện nay đã đảm bảo vệ sinh môi trường hay không?

A. Đã đảm bảo

B. Chưa đảm bảo

Kiến nghị:.....

17. Thói quen xử lý rác thải của gia đình ông bà như thế nào?

A. Đổ rác tại nơi tập kết

C. Chôn lấp

B. Đốt toàn bộ

D. Vứt thải trực tiếp ra môi trường

18. Theo ông/bà, có cần thiết phải phân loại rác tại nguồn hay không?

A. Có cần thiết

B. Không cần thiết

19. Ông/bà có biết cách phân loại rác tại nguồn hay không?

A. Có biết cách

B. Muốn phân loại nhưng không biết cách

C. Không biết cách

D. Không quan tâm

20. Ông/bà có tiến hành thu gom vỏ bao bì sau khi sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu hay không?

A. Có

B. Không

21.Ông /bà có quan tâm đến môi trường địa phương không?

A.Không quan tâm

C. Quan tâm

B.Ít quan tâm

D. Rất quan tâm

22. Ông/bà cho biết địa phương có tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường không?

A. Có

B. Không

C. Không biết

23.Theo ông/bà biện pháp nào sau đây làm giảm được ô nhiễm MT tại địa phương?

A. Nâng cao hiểu biết, ý thức người dân về bảo vệ môi trường xung quanh

B. Các cơ quan quản lý cần đầu tư hơn nữa trong công tác quản lý bảo vệ MT

C. Các chế tài xử phạt đối với các cá nhân/tổ chức gây ảnh hưởng xấu tới MT

D. Cả 3 đáp án trên

24. Ông/Bà biết về các vấn đề môi trường thông qua đâu ?

A. Tivi, báo đài...

B. Các cuộc họp tại thôn, xóm.

C. Cơ quan quản lý

D. Khác

25. Nếu Nhà nước và các cơ quan quản lý môi trường các cấp đề ra định hướng, chính sách quản lý môi trường, Hương ước bảo vệ môi trường tại địa phương thì ông/ bà có sẵn sàng ủng hộ và tuân thủ không?

A. Có

B. Không

26. Đề xuất của ông/ bà trong việc tăng cường chất lượng môi trường và bảo vệ môi trường tại địa phương:

.....
.....

II. Thông tin chung

Họ và tên:

Địa chỉ: Tuổi: Giới tính: Nam/ Nữ

Nghề nghiệp: Số điện thoại:

Số nhân khẩu trong gia đình ông bà:

Trình độ văn hóa:

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của ông/bà!

PHỤ LỤC 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN & CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hải Minh ngày...tháng...năm 20..

PHIẾU ĐIỀU TRA VỀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG TẠI XÃ HẢI MINH

(Dành cho Nhà quản lý)

Phiếu điều tra này được thực hiện nhằm mục đích thu thập thông tin về quan điểm, sự hiểu biết của các nhà quản lý tại xã Hải Minh về hiện trạng môi trường cũng như mức độ quan tâm về các hoạt động bảo vệ môi trường, các định hướng, chính sách quản lý và bảo vệ môi trường tại địa phương.

Ông, bà, hãy khoanh tròn vào đáp án mà ông/bà lựa chọn

I. Nội dung

1. Theo ông/ bà vấn đề môi trường cần quan tâm tại địa phương là gì?

- A. Môi trường đất, nước, không khí
B. Chất thải rắn
C. Rác thải
D. Cả 3 phương án trên

2. Theo ông/ bà môi trường nước mặt tại địa phương hiện nay như thế nào?

- A. Không ô nhiễm
B. Ô nhiễm
C. Ý kiến khác

3. Ông/bà cho biết nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở địa phương là do đâu?

- A. Do ý thức của người dân còn kém trong việc bảo vệ môi trường xung quanh
B. Do hoạt động kinh doanh, sản xuất
C. Do việc xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình mới, xe cộ, tiếng ồn
D. Do sự quản lý của cơ quan chức năng còn hạn chế

4. Theo ông/bà, chất thải rắn trên địa bàn phát sinh chủ yếu là gì?

- A. Chất thải rắn sinh hoạt
B. Chất thải rắn xây dựng
C. Chất thải rắn nông nghiệp
D. Loại khác.....

5. Theo ông/ bà nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường do rác thải là gì?

- A. Ý thức của người dân
B. Không phân loại rác tại nguồn
C. Không có người thu gom rác thải
D. Không có sự quản lý của chính quyền

6. Ông/ bà cho biết từ trước đến nay cơ quan chức năng tại xã đã có sự quan tâm và tổ chức các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường tại địa phương chưa?

- A. Không quan tâm
B. Có quan tâm và tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường
C. Có quan tâm và tổ chức nhưng các hoạt động bảo vệ môi trường chưa nhiều
D. Ý kiến khác

7. Theo ông / bà chú trọng đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường tại địa phương có cần thiết hay không?

- A. Rất cần thiết
B. Bình thường
C. Không cần thiết

8. Theo ông/bà giải pháp nào để làm cho môi trường được cải thiện?

- A. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường của các cơ quan chức năng trên địa bàn xã
B. Tuyên truyền vận động, nâng cao ý thức và nhận thức cho người dân về bảo vệ môi trường
C. Có chế tài xử phạt nghiêm minh các hoạt động xâm hại đến môi trường
D. Đáp án B&C

9. Theo ông/bà, nhận thức của người dân về các vấn đề môi trường ở mức độ nào?

- A. Rất thấp
B. Thấp
C. Trung bình
D. Tốt

10. Ông/bà đánh giá như thế nào về vai trò của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường tại địa phương?

- A. Quan trọng
B. Không quan trọng

11. Theo ông/bà, giải pháp nào là hiệu quả trong công tác kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường tại địa phương?

- A. Tăng cường luật pháp, chính sách
B. Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức
C. Tăng cường năng lực quản lý
D. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, vật chất

12. Ông/ bà cho biết các hoạt động bảo vệ môi trường tại địa phương có nhận được sự hưởng ứng tham gia của người dân không?

A. Có

B. Không

13. Ông/bà cho biết các hoạt động bảo vệ môi trường được nhân dân tại địa phương tích cực tham hưởng ứng trong thời gian qua?

.....
.....
.....

14. Theo ông/ bà việc xây dựng Hương ước bảo vệ môi trường tại địa phương có phù hợp và đem lại hiệu quả không?

A. Có

B. Không

15. Đề xuất của ông/bà trong việc tăng cường chất lượng môi trường và bảo vệ môi trường tại địa phương:

.....
.....

II. Thông tin chung

Họ và tên:.....

Địa chỉ:..... Tuổi:..... Giới tính: Nam/ Nữ

Nghề nghiệp: Số điện thoại:.....

Số nhân khẩu trong gia đình ông bà:.....

Trình độ văn hóa:

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của ông/bà!

PHỤ LỤC 6

BẢN DỰ THẢO HƯƠNG ƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI XÃ HẢI MINH, HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

CHƯƠNG 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Bảo vệ môi trường là quyền lợi và nghĩa vụ của tất cả mọi người dân trong xã; toàn thể nhân dân trong xã phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường của địa phương trong công tác bảo vệ môi trường. Công tác bảo vệ môi trường phải được thực hiện một cách tự giác và phải được duy trì thường xuyên.

Điều 2. Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn xã đều phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và chấp hành các quy định của Hương ước bảo vệ môi trường của xã.

CHƯƠNG 2: CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 3. Các quy định về vệ sinh quanh khu vực sinh sống

1. Mọi người dân đều phải có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường khu vực xung quanh nhà mình và nơi công cộng; không đổ rác bừa bãi ra đường.
2. Mỗi hộ gia đình cần xây dựng và lắp đặt một hệ thống thoát nước riêng, không được đổ nước thải sinh hoạt gia đình và nước thải sản xuất ra ao hồ sông suối gây ô nhiễm môi trường nước.
3. Đối với những hộ gia đình có hoạt động chăn nuôi thì không được để gia súc gia cầm vệ sinh bừa bãi trong xóm làng, tránh gây ô nhiễm và mất vệ sinh công cộng .
4. Định kỳ vệ sinh khơi thông cống rãnh, tránh tình trạng ứ đọng, chảy tràn gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

Điều 4. Quy định về quản lý chất thải

1. Khuyến khích người dân hạn chế sử dụng túi nilon mà thay bằng các loại túi giấy thân thiện với môi trường hoặc vật dụng khác như làn, giỏ
2. Rác thải hàng ngày phải được phân loại và cho vào túi rác, thùng rác có nắp đậy để được thu gom và xử lý đúng cách.
3. Các cơ sở sản xuất kinh doanh phải thực hiện tốt công tác phân loại chất thải rắn theo quy định.
4. Tại các khu chợ kinh doanh cần được quét dọn sạch sẽ sau mỗi buổi, thu gom rác thải tập trung vào một chỗ để được đem xử lý.

Điều 5. Quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón cho cây trồng.

1. Không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật quá hạn sử dụng. Phân loại các loại hóa chất bảo vệ thực vật trước khi sử dụng, sử dụng đúng loại phân bón tăng trưởng cây trồng, không lạm dụng các loại phân bón bừa bãi gây ảnh hưởng đến môi trường đặc biệt là môi trường đất

2. Không sử dụng phân tươi tưới rau, cây trồng. Các loại phân chuồng phải được ủ hoai mục rồi mới đem sử dụng cho cây trồng.

Điều 6. Quy định về bảo vệ môi trường không khí

1. Vào mùa thu hoạch lúa, không được đốt các loại rơm rạ, nên sử dụng làm phân bón hữu cơ.

2. Tích cực trồng thêm cây xanh quanh nhà và ven các tuyến đường lớn để giảm lượng bụi do hoạt động giao thông gây ra.

CHƯƠNG 3: KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 7. Khen thưởng:

Việc thực hiện tốt các quy định của hương ước là một trong những tiêu chí để được xét công nhận gia đình an toàn về an ninh trật tự và gia đình văn hóa. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành gương mẫu các quy định trong hương ước bảo vệ môi trường, phát hiện sớm và báo cáo kịp thời các dấu hiệu vi phạm hương ước và các quy định khác về bảo vệ môi trường thì được biểu dương và khen thưởng.

Điều 8. Xử lý vi phạm:

1. Vi phạm 1 lần nhắc nhở tại chỗ và yêu cầu có biện pháp xử lý ô nhiễm.

2. Vi phạm lần 2 buộc lao động công ích 5 ngày nhằm khắc phục lỗi vi phạm và phải có biện pháp xử lý chất gây ô nhiễm.

3. Vi phạm lần 3 trở lên sẽ bị nêu tên trong cuộc họp của hàng tháng của thôn, xóm và buộc nộp phạt từ 100.000 -200.000 đồng.

CHƯƠNG 4: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Hương ước bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành kể từ ngày phê duyệt.

2. Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc hoặc chưa phù hợp với điều kiện thực tế của thôn, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đề nghị trường phố, trưởng thôn phản ánh kịp thời với UBND xã để nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung. Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung phải được thảo luận và có sự thống nhất của cộng đồng dân cư.

Điều 10. Hướng dẫn thi hành

1. Trưởng phố, trưởng thôn có trách nhiệm nghiêm yết, tuyên truyền, phổ biến đến từng thành viên trong cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện hương ước.
2. Bản hương ước này được toàn thể đại diện của các hộ dân trong phường bàn bạc, thảo luận, góp ý và thông nhất thông qua cấp huyện, UBND xã và các đoàn thể

PHỤ LỤC 7. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA NGƯỜI DÂN

STT	Câu hỏi	Câu trả lời	Số phiếu phỏng vấn	Kết quả	Tỉ lệ %
1	Ông /bà đã sinh sống tại địa phương bao nhiêu năm?	Dưới 10 năm	50	6	12
		11-20 năm	50	10	20
		21 – 30 năm.	50	13	26
		Trên 30 năm	50	21	42
2	Hiện nay gia đình ông/ bà sử dụng nguồn nước nào là chủ yếu?	Nước giếng khoan	50	35	70
		Nước mưa	50	15	30
		Nước máy	50	0	0
		Nguồn nước khác	50	0	0
3	Lượng nước mà gia đình ông/ bà sử dụng hàng ngày	< 100 lít/ ngày	50	27	54
		>100 lít/ ngày	50	13	26
		.> 200 lít/ ngày	50	10	20
4	Nhận xét của ông bà về nguồn nước đang sử dụng	Không ô nhiễm	50	22	44

	hiện nay?	Ô nhiễm	50	17	34
		Ý kiến khác	50	11	22
5	Nguồn nước thải của gia đình ông/ bà là do đâu?	Do hoạt động sản xuất	50	13	26
		Do hoạt động kinh doanh dịch vụ	50	6	12
		Do hoạt động sinh hoạt hàng ngày	50	24	48
		Khác	50	7	14
6	Gia đình ông bà xử lý nước thải như thế nào?	Xử lý bằng bể tự hoại	50	22	44
		Thải trực tiếp ra kênh mương gần nhà	50	17	34
		Xử lý bằng hệ thống công cộng	50	9	18
		Xử lý bằng cách khác.	50	2	4
7	Theo ông/ bà môi trường không khí tại địa phương hiện nay như thế nào?	Ô nhiễm	50	29	58
		Không ô nhiễm	50	19	38
		Không quan tâm	50	2	4

8	Nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường không khí tại địa phương theo ông/bà là do đâu?	Do hoạt động giao thông	50	23	46
		Do hoạt động xây dựng	50	9	18
		Do hoạt động công nghiệp	50	5	10
		Ý kiến khác	50	13	26
9	Ô nhiễm môi trường không khí có ảnh hưởng đến gia đình ông/bà không ?	Có	50	33	66
		Không	50	17	34
10	Chất thải rắn được thải ra chủ yếu từ hoạt động nào của gia đình ông/bà?	Sinh hoạt.	50	24	48
		Làng nghề	50	13	26
		Nông nghiệp	50	6	12
		Hoạt động khác	50	7	14
11	Thành phần rác thải sinh hoạt chủ yếu của gia đình ông/bà là gì ?	Các chất hữu cơ: rau quả, trái cây, thức ăn thừa...	50	29	58
		Giấy nhựa, nylon	50	2	4
		Gạch, đá, sỏi bê tông, xỉ than	50	3	6
		Thủy tinh và các loại vỏ đồ hộp	50	1	2

		Ý kiến khác	50	15	30
12	Tại địa phương có thành lập đội thu gom rác thải, chất thải rắn sinh hoạt không?	Có	50	50	100
		Không	50	0	0
13	Ông/bà cho biết hiện nay công tác thu gom rác thải, chất thải sinh hoạt tại địa phương như thế nào?	Công tác thu gom được tổ chức thường xuyên và giờ giấc hợp lý	50	17	34
		Công tác thu gom được tổ chức thường xuyên nhưng vẫn còn hạn chế	50	30	60
		Ý kiến khác	50	3	6
14	Tần suất thu gom rác thải, chất thải sinh hoạt trên địa bàn như thế nào?	1 ngày/ lần	50	4	8
		2 ngày/lần	50	30	60
		1 tuần/ lần	50	10	20
		Thỉnh thoảng	50	6	12
15	Gia đình ông/bà có phải trả lệ phí thu gom rác thải không? Nếu có thì mức lệ phí phải trả là bao nhiêu?	Có	50	50	100
		Không	50	0	0

16	Theo ông/bà việc thu gom rác thải, chất thải sinh hoạt như hiện nay đã đảm bảo vệ sinh môi trường hay không?	Đã đảm bảo	50	22	44
		Chưa đảm bảo	50	28	56
17	Thói quen xử lý rác thải của gia đình ông bà như thế nào?	Đổ rác tại nơi tập kết	50	26	52
		Đốt toàn bộ	50	2	4
		Chôn lấp	50	8	16
		Vứt thải trực tiếp ra môi trường	50	14	28
18	Theo ông/bà, có cần thiết phải phân loại rác tại nguồn hay không?	Có	50	28	56
		Không	50	22	44
19	Ông/bà có biết cách phân loại rác tại nguồn hay không?	Có biết cách	50	2	4
		Muốn phân loại nhưng không biết cách	50	36	72
		Không biết cách	50	20	40
		Không quan tâm	50	2	4
20	Ông/bà có tiến hành thu gom vỏ bao bì sau khi sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu hay	Có	50	22	44
		Không	50	28	56

	không?				
21	Ông /bà có quan tâm đến môi trường địa phương không?	Không quan tâm	50	9	18
		Ít quan tâm	50	18	36
		Quan tâm	50	20	40
		Rất quan tâm	50	3	6
22	Theo ông/bà biện pháp nào sau đây làm giảm được ô nhiễm MT tại địa phương?	Nâng cao hiểu biết, ý thức người dân về bảo vệ môi trường xung quanh	50	7	14
		Các cơ quan quản lý cần đầu tư hơn nữa trong công tác quản lý bảo vệ MT	50	8	16
		Các chế tài xử phạt đối với các cá nhân/tổ chức gây ảnh hưởng xấu tới MT	50	9	18
		Cả 3 đáp án trên	50	26	52
23	Ông/Bà biết về các vấn đề môi trường thông qua đâu ?	Tivi, báo đài...	50	31	62
		Các cuộc họp tại thôn,xóm...	50	8	16

		Cơ quan quản lý	50	9	18
		Khác	50	2	4
24	Nếu Nhà nước và các cơ quan quản lý môi trường các cấp đề ra định hướng, chính sách quản lý môi trường, Hương ước bảo vệ môi trường tại địa phương thì ông/ bà có sẵn sàng ủng hộ và tuân thủ không ?	Có	50	50	100
		Không	50	0	0

PHỤ LỤC 8: BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA NHÀ QUẢN LÝ

STT	Câu hỏi	Câu trả lời	Số phiếu phỏng vấn	Kết quả	Tỉ lệ (%)
1	Theo ông/ bà vấn đề môi trường cần quan tâm tại địa phương là gì?	Môi trường đất, nước, không khí	20	3	15
		Chất thải rắn	20	2	10
		Rác thải	20	3	15
		Cả 3 phương án trên	20	12	60
2	Theo ông/ bà môi trường nước mặt tại địa phương hiện nay như thế nào ?	Không ô nhiễm	20	12	60
		Ô nhiễm	20	7	35
		Ý kiến khác	20	1	5
3	Ông/bà cho biết nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở địa phương là do đâu?	Do ý thức của người dân còn kém trong việc bảo vệ môi trường xung quanh	20	7	35
		Do hoạt động kinh doanh, sản xuất	20	6	30
		Do việc xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình mới, xe cộ, tiếng ồn	20	3	15
		Do sự quản lý của cơ quan chức năng còn hạn chế	20	4	20

4	Theo ông/bà, chất thải rắn trên địa bàn phát sinh chủ yếu là gì?	Chất thải rắn sinh hoạt	20	8	40
		Chất thải rắn xây dựng	20	3	15
		Chất thải rắn nông nghiệp	20	7	35
		Loại khác.....	20	2	10
5	Theo ông/ bà nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường do rác thải là gì?	Ý thức của người dân	20	4	20
		.Không phân loại rác tại nguồn	20	10	50
		Không có người thu gom rác thải	20	0	0
		Không có sự quản lý của chính quyền	20	6	30
6	Ông/ bà cho biết từ trước đến nay cơ quan chức năng tại xã đã có sự quan tâm và tổ chức các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường tại địa phương chưa?	Không quan tâm	20	0	0
		Có quan tâm và tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường	20	6	30
		Có quan tâm và tổ chức nhưng các hoạt động bảo vệ môi trường chưa nhiều	20	12	60
		Ý kiến khác	20	2	10
7	Theo ông / bà chú trọng đầu tư	Rất cần thiết	20	15	75

	cho công tác bảo vệ môi trường tại địa phương có cần thiết hay không?	Bình thường	20	5	25
		Không cần thiết	20	0	0
8	Theo ông/bà giải pháp nào để làm cho môi trường được cải thiện?	Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường của các cơ quan chức năng trên địa bàn xã	20	2	10
		Tuyên truyền vận động, nâng cao ý thức và nhận thức cho người dân về bảo vệ môi trường	20	3	15
		Có chế tài xử phạt nghiêm minh các hoạt động xâm hại đến môi trường	20	4	20
		Đáp án B&C	20	11	55
9	Theo ông/bà, nhận thức của người dân về các vấn đề môi trường ở mức độ nào?	Rất thấp	20	1	5
		Thấp	20	3	15
		Trung bình	20	9	45
		Tốt	20	7	35

10	Ông/bà đánh giá như thế nào về vai trò của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường tại địa phương?	Quan trọng	20	18	90
		Không quan trọng	20	2	10
11	Theo ông/bà, giải pháp nào là hiệu quả trong công tác kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường tại địa phương?	Tăng cường luật pháp, chính sách	20	2	10
		Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức	20	8	40
		Tăng cường năng lực quản lý	20	4	20
		Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, vật chất	20	6	30

**PHỤ LỤC 9 : BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH NGƯỜI DÂN THAM GIA
PHÒNG VẤN**

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ
1	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	XÓM 5 XÃ HẢI MINH
2	NGUYỄN THỊ DUNG	XÓM 5 XÃ HẢI MINH
3	NGUYỄN THỊ THU	XÓM 5 XÃ HẢI MINH
4	PHẠM VĂN TUẤN	XÓM 5 XÃ HẢI MINH
5	PHẠM VĂN KIÊN	XÓM 5 XÃ HẢI MINH
6	NGUYỄN VĂN THÁI	XÓM 5 XÃ HẢI MINH
7	PHẠM VĂN KIÊN	XÓM 5 XÃ HẢI MINH
8	TRẦN THỊ PHƯƠNG DUYÊN	XÓM 5 XÃ HẢI MINH
9	PHẠM VĂN BẮC	XÓM 5 XÃ HẢI MINH
10	NGUYỄN DUY NAM	XÓM 5 XÃ HẢI MINH
11	ĐỖ THỊ THOA	XÓM 4B XÃ HẢI MINH
12	NGUYỄN XUÂN THUỘC	XÓM 4B XÃ HẢI MINH
13	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	XÓM 4B XÃ HẢI MINH
14	BÙI THỊ NGỌC QUỲNH	XÓM 4B XÃ HẢI MINH
15	BÙI VĂN THIẾT	XÓM 4B XÃ HẢI MINH
16	NGUYỄN THỊ LAN	XÓM 4B XÃ HẢI MINH
17	BÙI XUÂN NGHỊ	XÓM 4B XÃ HẢI MINH
18	BÙI GIA HUẤN	XÓM 4B XÃ HẢI MINH
19	NGUYỄN VĂN TUẤN	XÓM 4B XÃ HẢI MINH
20	NGUYỄN VĂN THỌ	XÓM 4B XÃ HẢI MINH
21	BÙI VĂN TUYẾN	XÓM 4A XÃ HẢI MINH
22	PHAN VĂN THIẾT	XÓM 4A XÃ HẢI MINH
23	ĐỖ XUÂN THU	XÓM 4A XÃ HẢI MINH
24	ĐINH VĂN TIẾN	XÓM 4A XÃ HẢI MINH
25	BÙI THỊ MẾN	XÓM 4A XÃ HẢI MINH
26	NGUYỄN VĂN LẠC	XÓM 4A XÃ HẢI MINH
27	NGUYỄN NHƯ BÁCH	XÓM 4A XÃ HẢI MINH
28	ĐỖ THỊ THỰC	XÓM 4A XÃ HẢI MINH

29	DƯƠNG VĂN PHIÊN	XÓM 4A XÃ HẢI MINH
30	TRẦN THIÊN VƯỢNG	XÓM 4A XÃ HẢI MINH
31	PHẠM QUANG HẢI	XÓM 2A XÃ HẢI MINH
32	VŨ THỊ THƯƠNG	XÓM 2A XÃ HẢI MINH
33	BÙI THỊ THU TRANG	XÓM 2A XÃ HẢI MINH
34	ĐỖ ANH ĐỨC	XÓM 2A XÃ HẢI MINH
35	ĐỖ TÙNG LÂM	XÓM 2A XÃ HẢI MINH
36	NGUYỄN VĂN HIẾU	XÓM 2A XÃ HẢI MINH
37	PHẠM THỊ HẢO	XÓM 2A XÃ HẢI MINH
38	PHẠM VĂN TRIỆU	XÓM 2A XÃ HẢI MINH
39	PHẠM VĂN NGHĨA	XÓM 2A XÃ HẢI MINH
40	BÙI THỊ HƯỜNG	XÓM 2A XÃ HẢI MINH
41	NGUYỄN VĂN HÙNG	XÓM 2B XÃ HẢI MINH
42	NGUYỄN XUÂN HÓA	XÓM 2B XÃ HẢI MINH
43	ĐỖ THIÊN HIẾU	XÓM 2B XÃ HẢI MINH
44	HOÀNG XUÂN BÁCH	XÓM 2B XÃ HẢI MINH
45	ĐINH VĂN NAM	XÓM 2B XÃ HẢI MINH
46	PHẠM VĂN ĐỊNH	XÓM 2B XÃ HẢI MINH
47	LÊ THANH NGHỊ	XÓM 2B XÃ HẢI MINH
48	NGUYỄN HUY TÙNG	XÓM 2B XÃ HẢI MINH
49	PHẠM THỊ THƠM	XÓM 2B XÃ HẢI MINH
50	ĐỖ THỊ LAN	XÓM 2B XÃ HẢI MINH

**PHỤ LỤC 10: BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁN BỘ UBND XÃ THAM
GIA PHÒNG VẤN**

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ
1	NGUYỄN XUÂN RY	XÓM 3 XÃ HẢI MINH
2	NGUYỄN THANH HẢI	XÓM 6 XÃ HẢI MINH
3	PHẠM VĂN PHÚ	XÓM 7 XÃ HẢI MINH
4	NGUYỄN XUÂN THUỘC	XÓM 1 XÃ HẢI MINH
5	NGUYỄN VĂN MINH	XÓM 3 XÃ HẢI MINH
6	VŨ THỊ THU	XÓM 9 XÃ HẢI MINH
7	ĐÀO DUY ANH	XÓM 37 XÃ HẢI MINH
8	NGUYỄN THANH PHÚC	XÓM 8 XÃ HẢI MINH
9	PHẠM VĂN HẠNH	XÓM 10 XÃ HẢI MINH
10	TRẦN HUY HÙNG	XÓM 5 XÃ HẢI MINH
11	PHAN VĂN NAM	XÓM 9 XÃ HẢI MINH
12	NGUYỄN KHẮC CƯỜNG	XÓM BẮC HẢI XÃ HẢI MINH
13	PHẠM VĂN TIÊU	XÓM GÒ XÃ HẢI MINH
14	BÙI XUÂN PHÁI	XÓM 4A XÃ HẢI MINH
15	ĐỖ QUANG LÊ	XÓM 4B XÃ HẢI MINH
16	MAI ANH TRƯỜNG	XÓM 7 XÃ HẢI MINH
17	ĐOÀN VĂN ĐÔNG	XÓM 6 XÃ HẢI MINH
18	LÊ HỒNG QUẢNG	XÓM 34 XÃ HẢI MINH
19	ĐỖ THANH PHONG	XÓM 37 XÃ HẢI MINH
20	LÊ THỊ HƯƠNG	XÓM 37 XÃ HẢI MINH

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TRONG QUÁ TRÌNH LÀM ĐỒ ÁN



Ảnh 1: Công tác thu gom rác thải hàng ngày tại xã Hải Minh



Ảnh 2: Đường vào bãi rác tập trung của xã



Ảnh 3: Bãi rác tập trung đang chờ xử lý và chôn lấp



Ảnh 4: Hình ảnh bãi rác sau khi đốt



Ảnh 5: Một phần rác được chôn lấp



Ảnh 6: Sử dụng cát để chôn lấp rác



Ảnh 7: Chủ tịch UBND xã Hải Minh phát biểu tại cuộc cộng đồng



Ảnh 8: Công tác chuẩn bị cho cuộc họp



Ảnh 9: Sinh viên tiến hành bàn giao hương ước



Ảnh 10, 11,12: Thu thập ý kiến người dân bằng phiếu điều tra

